DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP CHUYÊN ĐỀ:

* "NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRÊN CÂY CÓ MÚI TẠI CÁC TỈNH MIỀN TRUNG"

Các đại biểu tham quan mô hình trồng cam đạt tiêu chuẩn VietGAP tại xã Đức Lĩnh, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh

Cây có múi là một trong những cây ăn quả có lợi thế ở khu vực miền Trung với nhiều sản phẩm nổi tiếng như: Bưởi Phúc Trạch, cam bù (Hà Tĩnh); cam Vinh (Nghệ An); bưởi Thanh Trà (Huế); bưởi đỏ Luận Văn (Thanh Hóa)... Những năm gần đây, các địa phương trong vùng đã ban hành nhiều cơ chế chính sách khuyến khích phát triển cây có múi, đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thâm canh. Đã góp phần làm giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm cây ăn quả có múi của vùng.

Tuy nhiên theo nhận định chung, sản xuất cây có múi của vùng còn nhiều hạn chế: Có sự chênh lệch về năng suất và hiệu quả kinh tế giữa các hộ và các vùng sản xuất; quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, phát triển tự phát; một số giống tại địa phương đang bị thoái hóa; bệnh vàng lá Greening và nhiều loại sâu bệnh hại khác xuất hiện dẫn đến năng suất thấp. Mặt khác, biến đổi khí hậu gây nên nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng, mưa bão, ngập úng ảnh hưởng xấu đến vườn cây. Trình độ canh tác chưa đồng đều, người sản xuất phần lớn chưa tiếp cận được thị trường, công nghệ và đặc biệt là nguồn vốn hỗ trợ... Liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp còn ít, chuỗi giá trị ngắn làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm cây ăn quả có múi.

Để góp phần nâng cao giá trị, tạo thu nhập ổn định cho người sản xuất và phát triển bền vững các loại cây ăn quả có múi khu vực miền Trung, trong 02 ngày (02 - 03/12/2017), tại thành phố Hà Tĩnh, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hà Tĩnh tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp với chủ đề: "Giải pháp nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng trên cây có múi".

Tham dự Diễn đàn có trên 200 đại biểu là các nhà quản lý, cán bộ khuyến nông và bà con nông dân đến từ các tỉnh: Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa và Hà Tĩnh cùng các chuyên gia của Viện Nghiên cứu rau quả, Viện Bảo vệ Thực vật, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Nghiên cứu cây ăn quả Phủ Quỳ.

Theo báo cáo của Cục Trồng trọt, hiện nay, tổng diện tích cam, bưởi, quýt vùng Bắc Trung Bộ có khoảng 16.279 ha, chiếm 27,9% diện tích cây ăn quả toàn vùng (58,3 nghìn ha), chiếm 22,4% diện tích cam, bưởi, quýt phía Bắc (72,6 nghìn ha) và bằng 10,3% diện tích cam, bưởi, quýt cả nước (157,4 nghìn ha). Riêng tỉnh Hà Tĩnh có trên 8.000 ha, quy hoạch đến năm 2020 đạt diện tích trên 13.900 ha.

Tại Diễn đàn, ông Đặng Ngọc Sơn - Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khẳng định: Cây có múi là một trong những sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh. Để khai thác tiềm năng, lợi thế và phát triển sản phẩm cây ăn quả có múi bền vững, các yếu tố then chốt cần tập trung giải quyết gồm: Giống; Quy trình sản xuất; Công nghệ bảo quản, chế biến và Kết nối tiêu thụ sản phẩm. Để giải quyết được những vấn đề trên cần sự hợp tác của các chuyên gia nghiên cứu, chuyển giao; sự đồng hành của nhà nước, doanh nghiệp và đặc

biệt là sự đồng lòng của người sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng, giá trị cao.

Các đại biểu đã tập trung thảo luận những nội dung gồm: Sử dụng giống chín sớm, chín muộn để thu hoạch rải vụ; Trồng cây giống sạch bệnh; sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt tiết kiệm nước và phân bón; thụ phấn bổ sung; sử dụng bao quả; dùng thuốc sinh học, phân chuyên dụng...

Phát biểu kết luận tại Diễn đàn, TS. Trần Văn Khởi - Quyền Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng kết một số giải pháp phát triển cây ăn quả có múi như sau:

+ Về quy hoạch, tổ chức sản xuất: Quy hoạch vùng sản xuất tập trung nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật. Tổ chức sản xuất theo hình thức hợp tác xã kiểu mới. Sản xuất an toàn, có chứng nhận chất lượng sản phẩm và truy xuất nguồn gốc. Liên kết sản xuất với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm.

+ Về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: Tuyên truyền, phổ biến những tiến bộ kỹ thuật mới nhất về giống, kỹ thuật canh tác, phân bón, tưới nước, đặc biệt là bảo vệ thực vật. Tăng cường tổ chức tham quan, hội thảo, tập huấn để giới thiệu và khuyến cáo người sản xuất làm theo.

+ Về chính sách: Các tỉnh cần đề xuất và thực thi các chính sách của nhà nước và địa phương để thúc đẩy sản xuất cây ăn quả nói chung và cây có múi nói riêng. Trong đó, tập trung vào chính sách đất đai; khuyến nông; hợp tác xã kiểu mới; tín dụng; liên kết sản xuất; hình thành và phát triển doanh nghiệp nông nghiệp.

Đề nghị Trung tâm Khuyến nông các tỉnh tăng cường tư vấn và tổ chức các lớp tập huấn, giới thiệu các mô hình cây ăn quả có múi hiệu quả cho người dân học hỏi, áp dụng ■

NGUYỄN SÂM - ĐỖ TUẤN
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

*"PHÁT TRIỂN KINH TẾ VƯỜN HÀNG HÓA

Kinh tế vườn đóng vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp và nâng cao thu nhập cho người nông dân. Ở nhiều địa phương, kinh tế vườn chiếm tới 70% thu nhập của kinh tế hộ. Hiện nay, kinh tế vườn ngày càng phát triển mạnh, hình thành nhiều mô hình nông nghiệp đa dạng.

Toàn cảnh Diễn đàn

Vùng miền núi phía Bắc có diện tích vườn ít nhưng khả năng mở rộng vườn tương đối lớn. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của vùng rộng lớn, kể cả trong nước và xuất khẩu. Do vậy, kinh tế vườn vùng miền núi phía Bắc đang chuyển biến mạnh mẽ từ tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa. Hiện nay, mô hình này đã hình thành nhiều tổ chức sản xuất của nông dân gắn với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất cây con trong vườn tạo ra sản phẩm ổn định cung cấp cho thị trường.

Để góp phần phát huy tiềm năng, lợi thế, thúc đẩy kinh tế vườn vùng miền núi phía Bắc phát triển bền vững trong thời kỳ hiện nay, ngày 08/12/2017, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Hội Làm vườn Việt Nam tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @Nông nghiệp với chủ đề: "Phát triển kinh tế vườn bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa trong thời kỳ hội nhập" vùng miền núi phía Bắc.

Tham dự Diễn đàn có hơn 200 đại biểu là các nhà quản lý, cán bộ khuyến nông, Hội làm vườn và nông dân đến từ các tỉnh vùng miền núi phía Bắc: Hòa Bình, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Điện Biên, Sơn La

BỀN VỮNG THEO HƯỚNG SẢN XUẤT TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP"

cùng các chuyên gia của Viện Nghiên cứu rau quả, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia,.... Nhiều doanh nghiệp nông nghiệp, các cơ quan thông tấn báo chí trung ương, địa phương đến tham dự Diễn đàn.

Theo Hội làm vườn Việt Nam, trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới, mô hình kinh tế VAC định hướng phát triển theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Hiện nay, Hội làm vườn Việt Nam đã tập trung xây dựng mô hình phát triển kinh tế VAC áp dụng theo hướng GAP và kết nối với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm. Cuộc vận động sản xuất cây ăn quả theo quy trình GAP đã được sự hưởng ứng của hội viên các tỉnh có sản phẩm VAC hàng hóa tập trung. Nhiều địa phương như Sơn La, Hòa Bình, Bắc Giang, Hưng Yên,... còn triển khai xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông sản như mật ong Sơn La, cam Cao Phong, gà đồi Yên Thế, vải Lục Ngạn, nhãn lồng Hưng Yên, bưởi da xanh...

Thảo luận tại Diễn đàn, đại biểu đặc biệt quan tâm đến phát triển sản xuất cây ăn quả trên vườn đồi, đó là các vấn đề như: trồng cây giống sạch bệnh, kỹ thuật tuyển chọn cây đầu dòng, quy trình sản xuất theo VietGAP, sản xuất hữu cơ, tưới nước tiết kiệm, sử dụng phân chuyên dụng, biện pháp phòng trừ bệnh trên cây ăn quả, tổ chức sản xuất và liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, thủ tục vay vốn để sản xuất, chính sách của nhà nước hỗ trợ nông dân sản xuất, thủ tục đăng ký chứng nhận sản phẩm VietGAP, sản phẩm hữu cơ ...

Các đại biểu tham quan mô hình phát triển kinh tế vườn tại xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

Phát biểu kết luận tại Diễn đàn, TS.Trần Văn Khởi - Quyền Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng kết một số giải pháp phát triển kinh tế vườn vùng miền núi phía Bắc trong thời kỳ hiện nay như sau:

+ Thúc đẩy quá trình tích tụ ruộng đất, tạo cơ hội hình thành gia trại, trang trại. Chuyển đổi cây trồng, vật nuôi để đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

+ Thúc đẩy tổ chức lại sản xuất của nông dân theo hướng cộng đồng, tập thể như tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới, doanh nghiệp... để ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, liên kết doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Đây là tiền đề để sản xuất hàng hóa theo chuỗi, nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

+ Đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất như sử dụng giống mới, giống sạch bệnh; kỹ thuật tưới nước tiết kiệm; bón phân chuyên dụng; phòng trừ dịch bệnh theo dự tính, dự báo; áp dụng kỹ thuật cắt tỉa cành, bao quả để phòng trừ dịch bệnh, bảo quản chế biến sau thu hoạch...

+ Đề xuất, thực thi các chính sách cho phát triển nông nghiệp như tín dụng; cơ giới hóa, công nghệ sau thu hoạch; Liên kết sản xuất, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

+ Tập huấn để nâng cao năng lực cho người làm vườn, đặc biệt là kỹ thuật chăm sóc cho từng đối tượng cây trồng, vật nuôi ■

NGUYỄN THỊ SÂM
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

HÒA BÌNH: HIỆU QUẢ TỪ ĐỀ ÁN TRỒNG CỎ NUÔI BÒ VỖ BÉO

Trong những năm gần đây số lượng đàn trâu, bò trên địa bàn huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình có xu hướng tăng mạnh. Theo thống kê của Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện, huyện hiện có tổng đàn trâu bò trên 23.000 con. Tuy nhiên, chăn nuôi vẫn mang tính nhỏ lẻ, tự phát, chưa tập trung; việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, thức ăn còn rất hạn chế mà chủ yếu là tận dụng thức ăn sẵn có trong tự nhiên... Chính vì vậy, năng suất chăn nuôi còn thấp, lợi nhuận kinh tế đem lại không cao, chưa tương xứng với tiềm năng và sản phẩm chưa đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Xuất phát từ thực tế trên, Uỷ ban Nhân dân huyện Kim Bôi đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án "Trồng cỏ vỗ béo bò giai đoạn 2016 - 2020". Mục tiêu của Đề án là khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển trồng cỏ vỗ béo bò có quy mô vừa và lớn theo hướng trang trại, gia trại; Chăn nuôi theo vùng và xã trọng điểm; Phát triển chăn nuôi theo phương thức bán thâm canh nhằm tạo ra sản phẩm thịt bò với số lượng và chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; Ổn định và phát triển đàn bò từ 6.285 con năm 2015 lên 6.800 con vào năm 2020, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 1,5 - 2%/năm.

Năm 2017, Đề án được triển khai tại 4 xã: Thượng Bì, Mỵ Hòa, Kim Truy và Kim Tiến. Đây là những xã đạt các tiêu chí như: nuôi trên 200 con bò/xã; có diện tích ngô, mía nhiều; có diện tích đất để trồng cỏ... Các cán bộ kỹ thuật đã lựa chọn được 240 con bò, trong đó chủ yếu là bê đực có độ tuổi từ 12 - 18 tháng tuổi, bò cái già yếu hoặc không còn khả năng sinh sản đưa vào vỗ béo. Các hộ tham gia mô hình được hỗ trợ trồng 2 ha giống cỏ VA06 làm thức ăn cho bò trong giai đoạn vỗ béo; được cấp phát thuốc thú y và tập huấn chuyển giao kỹ thuật.

Nuôi vỗ béo bò kết hợp trồng cỏ giúp các hộ nông dân quản lý được dịch bệnh, tăng hiệu quả kinh tế

Kết quả sau 2 tháng đưa bò vào vỗ béo, chủ yếu là nuôi nhốt tại nhà và cho ăn thức ăn xanh là cỏ VA06 và các sản phụ phẩm nông nghiệp như: rơm, rạ, thân cây ngô, lá mía... tốc độ tăng trưởng bình quân bò của các hộ đạt 576 gam/con/ngày, trung bình mỗi con tăng từ 31 - 36kg. Sau khi trừ chi phí, lợi nhuận bình quân thu được 1.842.000 đồng/con.

Ông Quách Mạnh Hoàn, một hộ tham gia mô hình ở xóm Đồng Hòa 1, xã Mỵ Hòa, huyện Kim Bôi chia sẻ: Với mô hình trồng cỏ nuôi bò vỗ béo, ngoài cỏ là thức ăn cho bò, gia đình còn cho ăn thêm bột ngô, bột gạo và nuôi nhốt hoàn toàn. Qua theo dõi thì trung bình 1 tháng nuôi theo hình thức này, bò tăng trọng 13 - 15kg/con. Tháng 6/2017, gia đình ông đã xuất bán được 8 con bò, thu lãi 30 - 40 triệu đồng.

Cũng tham gia mô hình này, gia đình ông Bùi Văn Hùng cho biết: Nuôi vỗ béo bò kết hợp trồng cỏ đem lại nhiều lợi ích như: giảm công chăn thả, việc nuôi nhốt giúp các hộ quản lý được dịch bệnh xảy ra, giá trị kinh tế thu về cao hơn so với nuôi thả rông. Chính vì những hiệu quả đó mà ông Hùng đã chuyển đổi toàn bộ diện tích đất cấy lúa một vụ sang trồng cỏ VA06 để phục vụ chăn nuôi.

Dù mới là năm đầu triển khai Đề án trồng cỏ vỗ béo bò nhưng đã cho thấy hiệu quả về kinh tế, giúp các hộ nông dân nâng cao thu nhập từ nghề chăn nuôi. Trong thời gian tới, huyên Kim Bôi sẽ tiếp tục triển khai đề án tại các xã: Cuối Hạ, Nam Thượng, Kim Bình, Hạ Bì, Vĩnh Đồng, Hợp Đồng, Tú Sơn và Đú Sáng. Đề án thực hiện thành công sẽ góp phần chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp, từng bước thay đổi tập quán sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp sang sản xuất bán thâm canh góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp nói chung và ngành chăn nuôi của tỉnh Hòa Bình nói riêng đến năm 2020 ■

ĐÌNH THỦY
Trung tâm Khuyến nông Hòa Bình

GIỐNG LÚA ĐÀI THƠM 8 CHO HIỆU QUẢ CAO
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT

Cư Jút là huyện có diện tích lúa nước đứng thứ 2 của tỉnh (sau huyện Krông Nô), tỉnh Đắk Nông với tổng diện tích gieo trồng cả năm là 3.640/12.360ha (chiếm 29,45% toàn tỉnh). Trong những năm qua, bằng các nguồn kinh phí từ các chương trình hỗ trợ của nhà nước, doanh nghiệp, công ty,… trên địa bàn huyện đã triển khai nhiều mô hình thử nghiệm các giống lúa có năng suất cao, chất lượng tốt như lúa Nghi Hương 2308, VT404, RVT, PHB71, TH3-3… góp phần đa dạng giống lúa tại địa phương.

Để tiếp tục bổ sung vào cơ cấu giống lúa của huyện, vụ hè thu năm 2016 Phòng nông nghiệp và PTNT, Trạm Khuyến nông huyện Cư Jút đã kết hợp với Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam (nay là Công ty cổ phần giống cây trồng Trung ương) khảo nghiệm mô hình thâm canh lúa thuần Đài thơm 8 tại xã Cư Knia. Giống lúa Đài thơm 8 là giống lúa thuần chất lượng, tiềm năng năng suất cao do Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam chọn tạo và được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức. Giống có thời gian sinh trưởng từ 95-100 ngày, phù hợp với nhiều vùng sinh thái. Khả năng thích ứng rộng, cứng cây, chống đổ ngã, chịu được đất chua phèn,… năng suất trung bình 8-9 tấn/ha (nếu thâm canh tốt đạt 9,5 -10 tấn/ha), hạt to dài màu vàng sáng, cơm thơm dẻo và chất lượng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Qua quá trình theo dõi cho thấy giống lúa thuần Đài thơm 8 khá phù hợp với vùng sinh thái, cây sinh trưởng phát tốt, đẻ nhánh nhiều, ít sâu bệnh và cho năng suất cao, trung bình đạt 8 tấn/ha.

Năm 2017, để khẳng định khả năng thích nghi của giống Đài Thơm 8 trên diện rộng, trạm Khuyến nông huyện Cư Jút triển khai xây dựng mô hình trồng thâm canh giống lúa này tại xã Đăk DRông với quy mô 2 ha, có 7 hộ tham gia trong đó 100% là người dân tộc thiểu số. Do thời tiết vụ hè thu năm 2017 diễn biến phức tạp đã tạo điều kiện cho sâu bệnh phát sinh và gây hại như bệnh bạc lá, khô vằn, lem lép hạt,… Tuy nhiên do giống lúa thuần có khả năng chống chịu, đồng thời được cán bộ kỹ thuật hướng dẫn xử lý kịp thời nên mô hình đạt năng suất cao hơn năng suất bình quân của các giống địa phương từ 5-7 tạ/ha. Với năng suất trung bình 7,5 tấn/ha, sau khi trừ các khoản chi phí lợi nhuận thu về đạt 28 triệu đồng/ha.

Theo bà Hoàng Thị Hiệp, Phó trưởng phòng Nông nghiệp huyện Cư Jút, giống lúa thuần Đài thơm 8 là giống lúa khá phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của vùng, là giống cho năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng kháng bệnh, chống đổ ngã, tỷ lệ hạt chắc cao, hạt sáng mẩy so với những giống lúa khác. Đây là giống lúa có thời gian sinh trưởng trung bình, phù hợp với cơ cấu luân canh cây trồng, rút ngắn được thời vụ, giảm thiểu các tác động bất lợi do thời tiết. Với những ưu điểm trên có thể nói giống lúa Đài ưu 8 sẽ là giống lúa cần được các cấp, ngành chức năng bổ sung vào cơ cấu giống được sản xuất tại địa phương để góp phần đa dạng giống cây trồng, hạn chế rủi ro, mở rộng canh tác.

Theo kinh nghiệm của nông dân cũng như quy trình khuyến cáo thì khi sạ khoảng 6-10 ngày, cần chú ý phun phòng trừ rầy,

Giống lúa Đài Thơm 8 đẻ nhánh nhiều, ít sâu bệnh, cho năng suất cao

bọ trĩ,... vì đây là giống lúa có mùi thơm đặc trưng từ giai đoạn mạ non.

Theo Ông Đặng Quốc Khánh - Phó Chủ tịch xã Đăk Drông: Giống lúa Đài thơm 8 là một giống lúa kháng được nhiều loại bệnh nguy hại như: đạo ôn và bạc lá, năng suất đạt khá từ 8 - 9 tấn/ha. Bà con có nhu cầu về nguồn giống để gieo trồng trong các vụ tiếp theo. Vì vậy, đề nghị Trạm Khuyến nông huyện liên hệ nguồn giống đảm bảo chất lượng để cung ứng giống cho bà con nông dân.

Ông Lương Văn Hải, hộ tham gia mô hình cho biết: Lần đầu tiên tôi làm giống Đài thơm 8, lúc đầu cũng rất lo lắng vì không biết giống này có cho năng suất cao như các giống lúa mà gia đình thường sử dụng không? Nhưng thật bất ngờ, khi đưa vào sản xuất, lúa này sinh trưởng phát triển rất khỏe, không bị nhiễm bệnh đạo ôn, rầy nâu,... và cho năng suất cao. Đài thơm 8 hứa hẹn sẽ là giống lúa cho năng suất cao, đem lại hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân.

Có thể nói rằng khi đưa giống lúa Đài thơm 8 vào trồng thử nghiệm trên địa bàn huyện Cư Jút đã cho kết quả vượt trội về năng suất, chất lượng so với các giống lúa khác đang trồng tại địa phương. Để có một đánh giá chính xác, khách quan, bà con mong muốn Công ty Cổ phần giống cây trồng Trung ương tiếp tục thực hiện các mô hình sử dụng giống lúa Đài thơm 8 trên địa bàn tỉnh ở các vùng sinh thái khác nhau, đồng thời tập huấn hướng dẫn bà con nông dân các biện pháp chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại hiệu quả ■

NGUYỄN THỊ THẢO
Trung tâm Khuyến nông Đăk Nông

LẠNG SƠN: THÀNH CÔNG CỦA MÔ HÌNH

Lạng Sơn là tỉnh miền núi với diện tích phần lớn là đất đồi rừng, có nhiều bãi chăn thả, nguồn thức ăn trong tự nhiên dồi dào, lại có diện tích đất trồng cỏ nên rất thuận lợi cho việc chăn thả và phát triển chăn nuôi gia súc của địa phương. Tuy nhiên ngành chăn nuôi của Lạng Sơn vẫn chưa phát huy được tiềm năng thế mạnh vốn có, chăn nuôi chủ yếu theo hình thức quảng canh, ít đầu tư, quy mô nhỏ lẻ, manh mún. Phần lớn người chăn nuôi chưa biết ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Chính vì vậy hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi chưa cao, chưa tạo ra được những sản phẩm có chất lượng đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng và xã hội, chưa tạo được công ăn việc làm tại chỗ cho lực lượng lao động nông thôn.

Năm 2017, được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lạng Sơn thực hiện mô hình "Vỗ béo bò thịt trong nông hộ" thuộc Dự án "Xây dựng mô hình cải tạo chất lượng đàn bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và vỗ béo bò thịt để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả cao từ các vùng chăn nuôi chính". Mục tiêu là xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt trong nông hộ với quy mô 205 con, tăng khối lượng cơ thể ≥ 700gam/con/ngày; Áp dụng quy trình kỹ thuật vỗ béo bò thịt, chế biến thức ăn nhằm tăng năng suất và chất lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Mô hình được thực hiện từ tháng 6 đến tháng 10/2017, quy mô 205 con bò với 70 hộ tham gia tại 03 xã miền núi của huyện Bình Gia là Hồng Thái, Tân Văn và Tô Hiệu. Để triển

Bà con nông dân tham quan mô hình vỗ béo bò thịt tại hộ ông Hoàng Đức Hùng, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia

VỖ BÉO BÒ THỊT TẠI HUYỆN BÌNH GIA

khai mô hình có hiệu quả, đồng thời tạo sự lan tỏa đối với người chăn nuôi trong vùng, Trung tâm Khuyến nông Lạng Sơn đã chủ động phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương tiến hành khảo sát, lựa chọn địa điểm và các hộ có đủ điều kiện theo quy định.

Bò vỗ béo được lựa chọn trong mô hình là bò không sử dụng vào mục đích sinh sản, cày kéo và lấy sữa, bò đực nuôi hướng thịt. Kỹ thuật áp dụng theo quy trình kỹ thuật vỗ béo bò thịt trước khi giết thịt của Cục chăn nuôi ban hành theo Quyết định số 79/QĐ-CN ngày 30/5/2008. Lượng thức ăn tinh bình quân 3 kg/con/ngày, thức ăn thô xanh bình quân 25 -30 kg/con/ngày, nuôi nhốt tại chuồng, cung cấp đầy đủ nước sạch và vệ sinh chuồng trại sạch sẽ và tẩy nội, ngoại ký sinh trùng trước khi nuôi vỗ béo.

Bà con tham gia mô hình được hỗ trợ 50% vật tư gồm: thức ăn hỗn hợp; thuốc điều trị nội, ngoại ký sinh trùng. Đồng thời còn được tập huấn kỹ thuật về: Công tác giống trong chăn nuôi bò thịt; Sản xuất và chế biến một số loại thức ăn chăn nuôi; Kỹ thuật vỗ béo bò thịt; Chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi; Công tác thú y trong chăn nuôi bò thịt; Quản lý đàn bò và cách tính hiệu quả kinh tế. Trong quá trình thực hiện mô hình, cán bộ kỹ thuật thường xuyên kết hợp cùng khuyến nông viên, nhóm trưởng theo dõi đo khối lượng tăng trọng hàng tháng cũng như kiểm tra giám sát, đôn đốc, hướng dẫn các hộ dân chăm sóc, phòng trừ bệnh kịp thời và vệ sinh chuồng trại, máng ăn, nước uống cho đàn bò.

Cấp phát thức ăn hỗn hợp cho các hộ tham gia mô hình

Sau 3 tháng triển khai, đàn bò ở các hộ gia đình đều sinh trưởng, phát triển tốt, không bị dịch bệnh. Trọng lượng bò tăng bình quân 725 gam/con/ngày, lợi nhuận của 01 con bò đạt trung bình

Mô hình được các hộ tham gia và chính quyền địa phương đánh giá có hiệu quả, phù hợp với điều kiện chăn nuôi của địa phương và nhu cầu của người chăn nuôi. Thông qua mô hình, bà con nắm vững được kỹ thuật vỗ béo bò thịt để tiếp tục duy trì, mở rộng quy mô chăn nuôi của gia đình, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập, ổn định đời sống. Thành công của mô hình sẽ giúp tăng năng suất, sản lượng, chất lượng thịt bò, giúp cho chính quyền địa phương có hướng chỉ đạo chuyển dịch chăn nuôi theo hướng hàng hóa, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho bà con nông dân, góp phần thực hiện thắng lợi chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới ■

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG LẠNG SƠN

YÊN BÁI: XÃ MÔNG SƠN PHÁT TRIỂN NUÔI CÁ LỒNG TRÊN HỒ THÁC BÀ

Phát triển nuôi cá lồng trên hồ Thác Bà từng bước giúp người dân thoát nghèo, vươn lên làm giàu

Mông Sơn là xã nông thôn miền núi thuộc khu vực II của huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nằm trên trục đường quốc lộ 70, cách trung tâm huyện 32km về phía Bắc. Trong những năm gần đây, tận dụng tiềm năng lợi thế của địa phương, nhiều hộ dân đã đầu tư phát triển nuôi cá lồng đem lại hiệu quả kinh tế cao, từng bước giúp người dân thoát nghèo, vươn lên làm giàu.

Với diện tích mặt nước hồ Thác Bà thuộc địa phận xã quản lý là 2.806 ha, theo thống kê của xã Mông Sơn, tính đến năm 2017 trên địa bàn xã có 125 lồng nuôi cá. Bà con chủ yếu tập trung đầu tư nuôi cá trắm cỏ, cá rô phi… Một số hộ dân có điều kiện kinh tế đã đầu tư nuôi các loài cá đặc sản, mang lại hiệu quả kinh tế cao như: cá nheo, cá lăng, cá ngạnh... Tuy nhiên, do người dân chủ yếu thu mua cá giống từ các thương lái nên chất lượng con giống chưa cao, vì vậy số hộ nuôi các giống đặc sản này chưa nhiều.

Là một trong những hộ nuôi cá lồng thành công, anh Đỗ Văn Khải ở thôn Làng Mới, xã Mông Sơn đã có nguồn thu nhập cao và ổn định từ nghề nuôi cá lồng. Trước đây, gia đình anh Khải sống bằng nghề đánh bắt rọ tôm trên hồ Thác Bà và kết hợp nuôi thêm 1 - 2 lồng cá để tăng thêm thu nhập. Nhờ chăm chỉ, chịu khó học hỏi kinh nghiệm của những hộ đã làm nên ngay vụ cá đầu tiên đã mang lại cho gia đình anh nguồn thu nhập đáng kể.

Năm 2016, anh quyết định vay vốn đầu tư đóng mới 10 lồng để chuyên tâm nuôi cá. Vận dụng cả kinh nghiệm và các kiến thức đã học tại các lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi cá lồng, anh đã áp dụng vào thực tế từ khâu đóng lồng, chọn con giống và chăm sóc nên các đối tượng cá thả nuôi của gia đình anh luôn phát triển tốt, ít bị dịch bệnh và cho hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay, với 10 lồng nuôi cá trắm cỏ, cá rô phi đơn tính..., mỗi lồng có thể tích trung bình trên 100 m^3. Theo tính toán của anh, mỗi năm sau khi trừ mọi chi phí cũng cho thu lãi trên 100 triệu đồng.

Cũng là một trong những hộ nuôi cá lồng lâu năm trên địa bàn xã, anh Trần Văn Từ ở thôn Tân Minh, xã Mông Sơn đã có nguồn thu nhập ổn định từ việc nuôi cá lồng. Tuy nhiên, các lồng cá của gia đình anh chủ yếu đóng bằng tre, vầu nên tuổi thọ không cao, dễ bị thất thoát cá. Nhận thấy nuôi cá lồng đem lại hiệu quả kinh tế cao nên đầu năm 2017 anh đã mạnh dạn đầu tư đóng mới 6 lồng cá bằng ống kẽm quây lưới để nuôi cá đặc sản như: cá nheo, cá lăng đuôi đỏ... nâng số lồng cá của gia đình lên 12 lồng. Theo anh, việc dùng lồng cá bằng ống kẽm quây lưới mặc dù chi phí cao nhưng lồng có tuổi thọ cao, thông thoáng hơn lồng tre tạo điều kiện thuận lợi cho công tác vệ sinh, phòng bệnh, giúp cá sinh trưởng, phát triển tốt.

Ông Vũ Quang Ưng - Phó Chủ tịch UBND xã Mông Sơn cho biết: "Địa phương xác định nuôi thủy sản cũng là một trong những hướng đi trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đem lại hiệu quả cao trong sản suất nông nghiệp. Thời gian tới, xã tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân đầu tư phát triển nuôi thủy sản, đặc biệt là các giống cá đặc sản đem lại hiệu quả kinh tế cao. Chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện đưa các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đến với người dân, chú trọng tập huấn kiến thức nuôi trồng thủy sản, giúp người dân trên địa bàn tận dụng tối đa lợi thế địa phương, phát triển nuôi thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững".

Từ thực tế của xã Mông Sơn cho thấy, nuôi cá lồng trên hồ Thác Bà đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn hẳn các hình thức khác. Tuy nhiên, để việc nuôi thủy sản phát triển một cách bền vững thì cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa bà con với chính quyền địa phương cũng như các tổ chức đoàn thể trong việc quy hoạch vùng nuôi, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Người dân cần tích cực áp dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm ■

NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG
Trung tâm Khuyến nông Yên Bái

THÁI NGUYÊN: LIÊN KẾT SẢN XUẤT CHÈ HỮU CƠ - HƯỚNG ĐI BỀN VỮNG

Nông nghiệp hữu cơ là hệ thống sản xuất nhằm duy trì độ phì nhiêu của đất, hệ sinh thái, sức khoẻ con người. Tỉnh Thái Nguyên đang thực hiện phương án sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong đó tập trung vào cây chè là cây trồng có thế mạnh của tỉnh. Năm 2017, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên đã triển khai xây dựng mô hình sản xuất chè hữu cơ tại xóm Văn Hữu, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh thái Nguyên với 4 hộ nông dân tham gia, quy mô sản xuất 5 ha chè. Để thực hiện mô hình, Trung tâm đã liên kết với Công Ty Cổ phần Ntea chi nhánh Thái Nguyên.

Theo bà Nguyễn Kim Đương - Phó phòng Thông tin - Đào tạo, Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên, nhiều năm nay bà con nông dân trồng và chăm sóc chè đã quen sử dụng hóa chất và bón phân hóa học, bởi vậy các chất dinh dưỡng trong đất bị mất, đất trở nên khô cứng và còn tồn dư hóa chất.

Bà con tham gia mô hình được cán bộ khuyến nông hướng dẫn sử dụng phân hữu cơ hoai mục và chế phẩm hữu cơ theo quy trình. Làm đất theo cách cày, xới bề mặt, cuốc rãnh sâu 20 - 30 cm để bón phân. Sử dụng phân hữu cơ hoai mục có hàm lượng dinh dưỡng cao, đồng thời qua quá trình ủ sẽ tiêu diệt các mầm bệnh, nấm mốc… Sau mỗi lứa hái hoặc 45 ngày sẽ sử dụng các chế phẩm vi sinh hữu cơ để làm tơi, xốp và tạo độ mùn cho đất.

Trong quá trình chăm sóc chè phải giải phân theo đường vành khăn, theo tán cây hoặc xẻ rãnh giữa 2 tán cây, kết hợp với xới đất để vùi lấp phân. Chủ động nước tưới, luôn giữ độ ẩm khoảng 70 - 80% sau khi bón phân. Đồng thời sử dụng phân bón lá phun ướt đều lên lá ngay sau mỗi lứa hái để giúp cây hồi phục nhanh, phát triển mạnh, ra cành, ra lá mới…

Mô hình góp phần thay đổi phương thức canh tác, nâng cao ý thức sản xuất cho bà con nông dân

Ngoài ra phải tuân thủ các yêu cầu như xới cỏ đảm bảo cỏ sạch quanh năm trên hàng chè, không sử dụng thuốc trừ cỏ; riêng chè 1 năm tuổi cần nhổ cỏ bằng tay để bảo vệ cây chè. Phòng trừ sâu, bệnh hại chè bằng biện pháp tổng hợp. Dùng các loại thảo mộc phù hợp để xua đuổi các loại sâu, côn trùng gây hại… không sử dụng thuốc trừ sâu hóa chất. Qua theo dõi kết quả cho thấy có xuất hiện các loại nhện đỏ, bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ cánh tơ… Tuy nhiên, cán bộ kỹ thuật đã chỉ đạo phun thuốc kịp thời và không để ảnh hưởng đến năng suất.

Hiện nay chè đang ở giai đoạn chuyển đổi sang hữu cơ, năng suất chè búp tươi chỉ đạt 5,6 tấn/ha, thấp hơn chè thông thường; nhưng sản xuất chè hữu cơ còn thu cả lá bánh tẻ, lá già và các bộ phận cây chè tạo ra nhiều dòng sản phẩm khác nhau vì vậy giá trị kinh tế không thấp hơn so với sản xuất thông thường. Công Ty Cổ phần Ntea Thái Nguyên cam kết thu mua mỗi kg chè hữu cơ tươi với giá 50 nghìn đồng, trong khi mỗi kg chè thông thường tại địa phương chỉ bán được 20 nghìn đồng. Vì vậy mỗi héc ta chè hữu cơ người dân thu lãi 248 triệu đồng, cao hơn mô hình sản xuất chè thông thường tại địa phương 48 triệu đồng.

Theo ông Nguyễn Mạnh Hùng - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên, Trung tâm khuyến cáo nông dân tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm nông nghiệp là thế mạnh của tỉnh Thái Nguyên theo hướng nâng cao năng xuất, chất lượng, giá trị gia tăng, hiệu quả và sức cạnh tranh… Mô hình chè hữu cơ triển khai tại xóm Văn Hữu, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ đã đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đặt ra liên kết với doanh nghiệp để xây dựng mô hình sản xuất chè hữu cơ, tạo ra sản phẩm sạch, chất lượng. Mô hình đã góp phần thay đổi phương thức canh tác, nâng cao ý thức sản xuất vì cộng đồng cho người nông dân.

Thời gian tới, Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên tiếp tục phối hợp với Chi nhánh Công ty CP NTEA Việt Nam tại Thái Nguyên mở rộng mô hình; giúp đỡ các hộ nông dân thành lập tổ hợp tác sản xuất chè hữu cơ, để liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm tới khi được công nhận đạt tiêu chuẩn sản phẩm chè hữu cơ. Đồng thời, nhân rộng mô hình sản xuất chè hữu cơ cũng như xây dựng các mô hình sản xuất lúa, rau hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ■

DƯƠNG TRUNG KIÊN
Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên

QUẢNG NGÃI: HIỆU QUẢ BƯỚC ĐẦU TỪ MÔ HÌNH NUÔI CÁ MÚ VEN BIỂN

Mô hình nuôi cá mú ven biển mở ra hướng đi mới trong nghề nuôi cá lồng bè tại tỉnh Quảng Ngãi

Năm 2017, Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi triển khai mô hình "Nuôi cá mú thương phẩm trong lồng" tại 2 xã Bình Đông, huyện Bình Sơn và xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ.

Mô hình được triển khai tại 3 hộ dân, với quy mô 90 m^3 (30m^3/hộ), số lượng giống thả nuôi 2.250 con, mật độ thả 25con/m^3, kích cỡ >12cm/con. Tham gia mô hình, các hộ được hỗ trợ 100% chi phí con giống; 30% chi phí thức ăn, thuốc phòng bệnh và men tiêu hóa… Ngoài ra, các hộ còn được tập huấn về kỹ thuật nuôi cá như chuẩn bị lồng nuôi, chăm sóc, phòng trị bệnh. Sau 8 tháng nuôi cá đạt trọng lượng bình quân 700 gam/con, tỉ lệ sống đạt 75%, sản lượng thu được 1.204 kg. Với giá bán trên thị trường 300.000 đồng/kg, sau khi trừ chi phí, thu nhập của các hộ đạt gần 100 triệu đồng.

Ông Huỳnh Tấn Vinh - hộ nông dân tham gia mô hình ở xã Bình Đông, huyện Bình Sơn cho biết, mô hình này đã khắc phục được những nhược điểm mà bà con nuôi cá mú ở đây thường gặp, đó là nguồn cá mú giống. Từ trước tới nay, bà con thường sử dụng cá giống thu gom ngoài tự nhiên nên tỉ lệ sống rất thấp. Còn các hộ tham gia mô hình được cung cấp cá giống từ Trung tâm nghiên cứu giống và dịch bệnh thủy sản thuộc Trường Đại học Nha Trang. Cá khỏe mạnh, có độ đồng đều cao hơn. Thức ăn cho cá là cá tạp (cá mối, cá cơm, cá trích, cá liệt…) còn tươi, được rửa sạch, cho ăn 2 lần/ngày vào sáng sớm và chiều mát. Đặc biệt, không để dư thừa thức ăn làm ô nhiễm môi trường gây bệnh cho cá nuôi. Bên cạnh đó, phải thường xuyên theo dõi các yếu tố môi trường như: nhiệt độ, pH, độ mặn… để không ảnh hưởng đến quá trình tăng trưởng của cá. Nhờ vậy cá của gia đình ông tỉ lệ sống khá cao (>75%), tăng trọng nhanh, sau 8 tháng nuôi đạt trọng lượng bình quân 0,7 kg/con.

Vừa qua, Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi đã tổ chức tham quan, tổng kết mô hình, tại hội nghị, ông Trần Ngọc Thương - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ngãi nhấn mạnh: Trung tâm Khuyến nông tỉnh sẽ tiếp tục hỗ trợ bà con thành lập tổ hợp tác gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm và liên kết tiêu thụ. Bên cạnh đó địa phương cần phải xác định xây dựng mô hình gắn với tiêu thụ sản phẩm bằng cách liên kết với thương lái, doanh nghiệp, nhà hàng, siêu thị… để đầu ra ổn định và hiệu quả cho sản phẩm.

Các hộ được chọn làm điểm trình diễn, sau khi kết thúc mô hình sẽ là những người tham gia hướng dẫn kỹ thuật nuôi cho các hộ lân cận để tiếp tục nhân rộng mô hình. Về thời vụ, cần phải thả nuôi sớm hơn để tránh mùa mưa bão (trước tháng 3 dương lịch hàng năm).

Xã Bình Đông, huyện Bình Sơn nằm trong khu kinh tế Dung Quất, bờ biển có khả năng thu hẹp dần để dành cho khu công nghiệp. Hiện tại, trong xã có 40 hộ nuôi cá trong lồng, vùng nuôi này chưa bị ô nhiễm, độ mặn ổn định, bà con cần phải xác định lại qui trình nuôi cho phù hợp, phải chủ động về con giống, đối với thức ăn cần bổ sung thêm dinh dưỡng (ngoài nguồn thức ăn cá tạp) để chất lượng sản phẩm tốt hơn.

Cá mú có thịt thơm ngon, giàu dinh dưỡng là đối tượng có giá trị kinh tế cao. Việc triển khai mô hình là điều kiện thuận lợi, giúp bà con phát triển nghề nuôi, góp phần đa dạng hóa sản phẩm, mở ra hướng đi mới đầy triển vọng trong việc phát triển bền vững nghề nuôi cá lồng bè trên địa bàn ven biển tỉnh Quảng Ngãi ■

LỆ QUYÊN
Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi

SƠN LA: XÃ BIÊN GIỚI CHIỀNG SƠN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Đầu tháng 12/2017, một niềm vui lớn đến với Đảng bộ, chính quyền và đồng bào các dân tộc xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, khi xã chính thức được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (NTM).

Là một xã ở vùng biên giới, Chiềng Sơn có diện tích tự nhiên gần 9.200 ha, với 8.555 nhân khẩu, bao gồm 7 dân tộc Thái, Mông, Kinh, Mường, Khơ Mú, Tày, Dao cùng sinh sống tại 24 bản, tiểu khu. Bắt tay vào thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, xã Chiềng Sơn chỉ đạt được 2 tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, còn tới 17 tiêu chí chưa đạt. Tuy nhiên, với cách làm sáng tạo, Chiềng Sơn đã không thực hiện dàn trải mà ưu tiên tập trung lựa chọn những tiêu chí có khả năng thì huy động các nguồn lực, sức dân thực hiện trước.

Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã sau khi làm việc với từng bản đã tiến hành rà soát, đánh giá từng tiêu chí cụ thể; từ đó xây dựng phương án tháo gỡ, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc. Nhờ các giải pháp này, tiến độ xây dựng NTM trên địa bàn xã đã có chuyển biến rõ nét. Nổi bật nhất trong số đó là các nhóm tiêu chí làm đường giao thông liên bản, giao thông nội đồng. Cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, xã đã huy động nhân dân hiến đất làm đường, đóng góp tiền, ngày công lao động để làm đường giao thông nông thôn.

Đến nay, xã đã hoàn thành xây dựng 58,15 km đường giao thông; kiên cố hóa gần 14 km kênh mương; 95% số hộ được sử dụng điện; 99% số hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 24 bản, tiểu khu có nhà văn hóa; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 7%; gia đình văn hóa đạt 81%... Chỉ tay về phía con đường liên bản được đổ bê tông thẳng tắp chạy qua phía trước nhà, chị Lò Thị Thương ở xóm 1, Tiểu khu 7, xã Chiềng Sơn vui vẻ cho biết: "Hưởng ứng sự vận động của xã, người dân trong tiểu khu đã tích cực tham gia ủng hộ ngày công lao động, hiến đất để cùng xây dựng được con đường khang trang, sạch sẽ. Đặc biệt, sản phẩm bà con sản xuất ra đã được các xe tư nhân đến từng nhà, từng xóm thu mua rất thuận tiện, giá cả cũng được nâng lên".

Cây chè giúp người dân xã Chiềng Sơn tăng thu nhập, góp phần xây dựng thành công nông thôn mới

Tính đến cuối năm 2017, tổng diện tích gieo trồng cây nông nghiệp toàn xã đạt gần 1.900 ha; sản lượng lương thực có hạt ước đạt hơn 7.100 tấn... Toàn xã hiện có hơn 7.000 con gia súc, trên 82.000 con gia cầm. Đặc biệt, những năm gần đây, người dân đã tập trung chuyển đổi diện tích trồng sắn, ngô năng suất thấp sang trồng cây ăn quả trên đất dốc với diện tích 403 ha, tăng gần 200 ha so với cùng kỳ năm 2016, sản lượng đạt 689,5 tấn; giá trị kinh tế thu được từ cây ăn quả đạt trên 7,58 tỷ đồng. Toàn xã đã phát triển được hơn 300 ha chè. Chỉ tính riêng trong 6 tháng đầu năm 2017, sản lượng thu hái chè búp của người dân trong xã đạt 862 tấn với giá trị kinh tế là trên 5,6 tỷ đồng. Nhờ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đời sống của người dân ngày càng được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo trong xã từng bước giảm xuống. Năm 2017, thu nhập bình quân toàn xã ước đạt 26 triệu đồng/người/năm.

Tại Lễ trao Bằng công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Chiềng Sơn đầu tháng 12 vừa qua, đồng chí Nhâm Thị Phương - Phó Chủ tịch HĐND tỉnh Sơn La đã đánh giá cao những kết quả mà Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc xã Chiềng Sơn đã đạt được trong thực hiện xây dựng nông thôn mới. Vượt lên những khó khăn của một xã vùng biên giới, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chung tay của 7 dân tộc cùng chung sống trên địa bàn và toàn xã hội, Chiềng Sơn đã thành công trong việc huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội, triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với chuyển đổi mô hình sản xuất để thúc đẩy phát triển, nâng cao giá trị của sản phẩm nông sản, từ đó nâng cao thu nhập cho người dân.

Trong thời gian tới, Chiềng Sơn sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao hơn nữa các tiêu chí nông thôn mới đã đạt được để giữ vững danh hiệu xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đảng ủy, UBND xã Chiềng Sơn sẽ tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng củng cố hệ thống chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh xứng tầm với lợi thế tiềm năng của xã ■

TẠ QUANG ĐẠO
Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

CHÀNG THANH NIÊN KHỞI NGHIỆP TỪ SẢN PHẨM "MẬT ONG HƯƠNG TRÀM"

Anh Trần Thành Long cùng các nhân công chăm sóc đàn ong nuôi lấy mật

Lớn lên bên cạnh Vườn Quốc gia Tràm Chim - nơi có hệ sinh thái động thực vật đa dạng và phong phú của vùng Đồng Tháp Mười rộng lớn cùng với hơn 3.000 ha rừng tràm nở hoa thơm ngát..., bạn trẻ Trần Thành Long (sinh năm 1990) ở ấp Cà Dâm, xã Tân Công Sính, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đã tận dụng lợi thế đó để phát triển nghề nuôi ong lấy mật và khởi nghiệp thành công với thương hiệu "Mật ong Hương Tràm". Tại vòng chung kết cuộc thi "Dự án khởi nghiệp nông nghiệp lần thứ 3 năm 2017" do Trung tâm Nghiên cứu kinh doanh và Hỗ trợ doanh nghiệp - BSA phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, dự án "Mật Ong Hương Tràm" của Trần Thành Long đã đạt giải Khuyến khích.

Anh Trần Thành Long chia sẻ, vùng quê của anh ở giữa bốn bề là tràm, với diện tích lên đến trên 3.000 ha. Trong đó, có nhiều diện tích tràm cổ thụ mọc tự nhiên trong Vườn Quốc gia Tràm Chim. Hằng năm, rừng tràm trổ bông hai đợt, tỏa hương thơm ngát. Nhận thấy đây là điều kiện thích hợp cho nghề nuôi ong lấy mật, Long đã tìm hiểu kỹ về đặc tính sinh học của loại ong mật giống Ý, kỹ thuật nuôi và cách chăm sóc loài ong ngoại nhập này. Sở dĩ Long chọn giống ong mật Ý vì con to, sức tụ đàn lớn, cho mật và phấn hoa nhiều. Năm 2016, Long quyết định đầu tư 80 triệu đồng mua 50 đàn ong mật giống Ý để nuôi.

Nhờ điều kiện tự nhiên gần rừng tràm nên đàn ong có nguồn thức ăn ổn định. Cùng với việc áp dụng đúng quy trình kỹ thuật trong chăm sóc nên đàn ong của Long khỏe mạnh, cho lượng mật nhiều, chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm... Với 50 đàn ong ban đầu, mỗi tháng Long thu được bình quân 50 lít mật ong hương tràm thương phẩm nguyên chất. Sau đó, Long nhân rộng lên 120 đàn ong và thu được khối lượng mật ong hương tràm nguyên chất trung bình mỗi tháng dao động ở mức từ 200 - 250 lít.

Do thường xuyên có được khối lượng mật ong hương tràm nguyên chất nên anh Long đã thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh, đăng ký thương hiệu độc quyền "Mật ong Hương Tràm hút dẻo". Mật ong được đóng vào chai nhựa và chai thủy tinh quy cách 100ml, 500 ml, 1.000 ml. Loại 500 ml có giá 130.000 đồng/1 chai, loại 1.000 ml có giá 250.000 đồng/chai, loại 100 ml, bán giá 65.000 đồng/chai.

Anh Long cho hay: "Đầu tiên, tôi làm với sản lượng ít để bán thử. Không ngờ, sản phẩm bán rất chạy, không đủ để cung cấp ra thị trường. Người tiêu dùng rất ưa chuộng vì đây là sản phẩm đặc sản địa phương, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Mật ong bông tràm có hương vị đặc trưng, màu vàng nhạt và độ ngọt vừa phải..."

Trước những kết quả khả quan, anh Long có kế hoạch đầu tư khoảng 360 triệu đồng để nhân rộng lên 200 đàn ong nuôi lấy mật và mua một số dụng cụ, máy móc sản xuất sản phẩm "Mật ong Hương Tràm" cung cấp ra thị trường, vừa tạo việc làm, vừa giúp thanh niên có nguồn thu nhập ổn định.

Ý tưởng khởi nghiệp với sản phẩm mật ong hương tràm độc đáo ở địa phương của anh Long rất đáng tự hào. Dự án "Mật ong Hương Tràm của anh Long còn được chọn vào vòng chung kết của cuộc thi "Dự án khởi nghiệp tỉnh Đồng Tháp năm 2017" do Tỉnh Đoàn Đồng Tháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh phối hợp với Quỹ khởi nghiệp doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ Việt Nam (SVF) tổ chức.

Anh Nguyễn Minh Thọ - Bí thư Huyện Đoàn Tam Nông cho biết: "Dự án khởi nghiệp từ thương hiệu "Mật ong Hương Tràm" của Long đã thể hiện được sức trẻ, sự sáng tạo cũng như nhiệt huyết trong khởi nghiệp. Dự án không chỉ tạo việc làm, mang lại thu nhập đáng kể cho những thanh niên nông thôn mà còn tận dụng bông tràm sẵn có tại Vườn Quốc gia Tràm Chim cung cấp ra thị trường một sản phẩm mang đặc trưng của địa phương" ■

TRẦN TRỌNG TRUNG
Huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp

THÀNH CÔNG NHỜ ÁP DỤNG CÁCH TƯỚI NHỎ GIỌT TRONG CANH TÁC XOÀI

Cần Giờ là một trong những huyện ngoại thành của thành phố Hồ Chí Minh nơi có nhiều hộ dân trồng xoài, tập trung chủ yếu ở Thị trấn Cần Thạnh, xã Long Hòa nơi có nhiều hộ dân đã được trao chứng nhận VietGAP.

Hiện nay do tình hình biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, dẫn đến tình trạng thiếu nước tưới, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và năng suất xoài. Để khắc phục tình trạng này, nhiều hộ đã mạnh dạn ứng dụng hệ thống tưới nhỏ giọt tiết kiệm nước vào qui trình canh tác, mang lại hiệu quả kinh tế cao như hộ anh Phạm Văn Chánh ở xã Long Hòa, huyện Cần Giờ là một trong những hộ có thâm niên trồng xoài hơn 30 năm. Hiện vườn xoài nhà anh có diện tích hơn 1ha và đây là nguồn thu nhập chính của gia đình.

Trước đây nhà anh chỉ tưới xoài theo kiểu truyền thống tức là sử dụng vòi để tưới. Cách này rất tốn công vì phải kéo dây đi từng gốc xoài, mất nhiều thời gian và công sức. Sau khi nghiên cứu và tham khảo nhiều mô hình tưới nhỏ giọt trên mạng và sách báo, cũng như qua tư vấn của cán bộ kỹ thuật khuyến nông địa phương, anh đã mạnh dạn nghiên cứu và thiết kế thành công mô hình tưới nhỏ giọt cho vườn xoài. Mô hình tưới do anh thiết kế gồm ống nhựa bình minh (ϕ 21), là ống cái dẫn nước. Dọc theo đường ống dẫn nước, dưới mỗi gốc xoài anh khoan 01 lỗ nhỏ để nước nhỏ giọt thấm đều vào đất, giúp gốc xoài luôn ẩm ướt.

So với cách tưới truyền thống thì hệ thống tưới nhỏ giọt có nhiều ưu điểm như: kiểm soát được độ ẩm, chủ động thời gian tưới, tiết kiệm khoảng 50% lượng nước, 80% công tưới so với tưới trực tiếp vào gốc. Quan trọng nhất là sử dụng tưới nhỏ giọt còn giúp hiệu quả thu hoạch, trái xoài lớn hơn và ít bị rám nắng. Vụ xoài năm 2016 vừa qua, với 1ha diện tích anh thu được 10 tấn xoài (so với trước đây chỉ thu được 7-8 tấn/ha). Như vậy từ khi sử dụng tưới nhỏ giọt anh thu thêm 3 tấn xoài/ha, với giá bán trung bình 60.000 đồng/kg, anh thu được 180 triệu đồng/năm. Tức là mỗi tháng anh có thêm 15 triệu đồng từ tiền chênh lệch, trong khi chi phí lắp đặt cả hệ thống anh tốn khoảng 25 triệu đồng.

Trên thực tế, việc áp dụng tưới nhỏ giọt cho cây xoài có thể tiết kiệm tới 90% chi phí lao động, tiết kiệm từ 30-50% lượng nước tiêu thụ, tiết kiệm năng lượng điện trong khi vẫn giữ được độ ẩm và cung cấp đủ nước cho cây xoài tuỳ theo từng giai đoạn phát triển. Cách này loại bỏ hiện tượng nước chảy thành dòng khi tưới, đất bị chặt hay bị xói mòn, giảm đáng kể bệnh thối rễ ở cây xoài. Phương pháp này còn giúp hạn chế sự phát triển của cỏ dại, hạn chế dịch bệnh, giúp cây ít bị rụng hoa - quả non. Ngoài tiết kiệm nhân công, nước tưới, cây trồng ít sâu bệnh, việc lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt còn có ưu điểm rút ngắn thời gian sinh trưởng, giảm chi phí, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt như hiện nay.

Bà con nông dân có nhu cầu học hỏi kinh nghiệm của anh Phạm Văn Chánh xin liên hệ số điện thoại: 0988823252 ■

BBT *(gt)*

KINH NGHIỆM NUÔI ONG MẬT CỦA MỘT NÔNG DÂN SẢN XUẤT GIỎI Ở HUYỆN ĐỒNG VĂN

Nghề nuôi ong lấy mật gắn với diện tích cây hoa bạc hà ở huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đã hình thành từ lâu.

Tại xã Thài Phìn Tủng, gia đình ông Vừ Sáu Pó ở thôn Há Bua Đa vốn là hộ gia đình thuộc diện nghèo; trước đây, chỉ trông chờ vào 0,5 ha diện tích trồng ngô. Vì vậy, hàng năm gia đình ông thường xuyên thiếu đói khoảng 3 tháng. Năm 2010, nhận thấy một số hộ gia đình trên địa bàn xã kinh tế trở nên khá giả nhờ việc nuôi ong gắn cùng với diện tích cây hoa bạc hà; từ đó ông nảy ra ý định sẽ nuôi ong để phát triển kinh tế gia đình. Vào thời điểm đó, diện tích cây bạc hà trên địa bàn xã rất nhiều nhưng số hộ nuôi ong còn ít.

Năm 2012, ông bắt đầu mua một số đàn ong về nuôi. Tuy nhiên, do chưa nắm vững kỹ thuật lại chưa có kinh nghiệm nên năng suất thấp, số mật bán đi chỉ đủ số tiền bỏ ra ban đầu. Hết vụ hoa bạc hà năm đó, do chăm sóc không tốt nên ong bị bốc bay, bị bệnh hoặc chết. Để tìm hiểu nguyên nhân thất bại, ông đã đến nhiều hộ nuôi ong trên địa bàn xã để học hỏi kinh nghiệm. Từ năm 2013 đến năm 2015, ông tiếp tục đầu tư 20 - 50 đàn ong. Từ các kinh nghiệm đã học hỏi đã giúp đàn ong của gia đình ông phát triển rất tốt. Kết thúc vụ nuôi, ông thu được từ 50 - 100 lít mật/vụ và cho thu nhập từ 20 - 50 triệu đồng/năm.

Năm 2016, gia đình ông tham gia mô hình nuôi ong nội lấy mật theo phương thức đầu tư có thu hồi do Trung tâm Khuyến nông tỉnh và Trạm Khuyến nông huyện triển khai. Tham gia mô hình, gia đình ông nhận hỗ trợ 50 đàn ong. Sau khi được tham dự lớp tập huấn kỹ thuật kết hợp với kinh nghiệm của bản thân từ những vụ nuôi ong trước, ông đã nắm bắt được đầy đủ quy trình từ nuôi ong đến khai thác mật. Đó là cách nhận biết và phòng chống được hiện tượng ong bốc bay, cách nhân đàn, tách đàn, cách chăm sóc ong trước, trong và sau vụ khai thác mật. Sau một thời gian triển khai mô hình, đàn ong của gia đình ông đã được nhân, tách đàn từ 50 đàn ban đầu lên 120 đàn.

Người nuôi cần thường xuyên kiểm tra các thùng ong, lựa chọn những đàn ong khỏe để tạo chúa nhân đàn

Do chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, nên kết thúc vụ mật, sản lượng mật của gia đình đạt 360 lít, bình quân đạt 3 - 4 lít/đàn với tổng thu là 144 triệu đồng. Sau khi thanh toán 35 triệu đồng cho mô hình theo cam kết ban đầu và trừ một số vốn đối ứng, gia đình thu trên 70 triệu đồng. Năm 2017, gia đình ông đã được vay vốn theo Nghị quyết số 209 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua ngân hàng với số vốn được vay là 200 triệu đồng tương ứng với 200 đàn ong, kết hợp khoanh nuôi bảo vệ diện tích hoa bạc hà trong thôn và khuyến cáo cho các hộ khác đầu tư nuôi ong địa phương để thoát nghèo.

Trải qua quá trình sản xuất có thất bại, có thành công, ông Pó đưa ra một số kinh nghiệm nuôi ong như sau:

Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ, vật tư cần thiết cho việc nuôi ong như: Đường kính, phấn hoa để cho ăn bổ sung; thùng, cầu, chân tầng, quản chúa, sáp, rọ chúa... để chia tách đàn và các vật liệu để che chắn mưa, rét...

Vào mùa đông rét đậm, rét hại phải chủ động che chắn kín gió, vệ sinh thùng ong sạch sẽ, phòng trừ bệnh hại, chăm sóc, nuôi dưỡng, cho ăn bổ sung đường kính, phấn hoa, nước,... đúng quy trình. Khi nhiệt độ thấp kéo dài, chủ động di chuyển đàn ong sang nơi khác có nhiệt độ cao hơn, có hoa rừng kết hợp nuôi dưỡng để đàn ong phát triển ổn định.

Thường xuyên kiểm tra các thùng ong, chủ động phát hiện và phòng chống hiện tượng ong bốc bay do bị đói, bị bệnh... Lựa chọn những đàn ong khỏe mạnh phát triển tốt để tạo chúa nhân đàn, duy trì số lượng đàn ong. Trên địa bàn, từ tháng 4 đến tháng 8 là thời gian tốt nhất để phát triển đàn ong, nhân tạo đàn. Vào tháng 9 phải kiểm tra các thùng ong để nhập cầu yếu, tách cầu khỏe, duy trì 4 - 5 cầu ong trên thùng để để tập trung khai thác mật. Đặc biệt, phải chủ động chăm sóc và bảo vệ cây hoa bạc hà vì đây là nguồn phấn hoa chủ yếu để nuôi ong.

Chủ động tìm hiểu, học hỏi kỹ thuật nuôi ong qua các lớp tập huấn, qua sách, báo, ti vi và phải chia sẻ kinh nghiệm với các hộ nuôi ong khác để đúc rút kinh nghiệm cho bản thân ■

BBT *(gt)*

BẠC LIÊU: MÔ HÌNH ĐA CANH CHO THU NHẬP BỀN VỮNG

Thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, trong những năm gần đây ở huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đã có nhiều hộ nông dân có thu nhập cao nhờ sản xuất theo mô hình đa canh. Anh Nguyễn Minh Hận ở ấp Phước Thuận A, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu là một trong những người thành công với mô hình nuôi thủy sản đa con này.

Trên diện tích gần 04 ha, nhờ biết tận dụng diện tích đất sẵn có và vận dụng sáng tạo những kiến thức, kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm, anh đã thực hiện mô hình sản xuất tổng hợp: 02 vụ tôm sú kết hợp với cua, cá rô phi và 01 vụ lúa kết hợp với nuôi tôm càng xanh, mỗi năm mang lại thu nhập từ 350 - 400 triệu đồng. Năm 2017 là năm anh thành công nhất với mô hình này và đã thu về trên 400 triệu đồng, sau khi trừ chi phí, còn thu lãi trên 300 triệu đồng.

Với mô hình nuôi tôm sú kết hợp với nuôi cua, anh thả nuôi từ tháng 01 đến tháng 08 dương lịch thu hoạch dứt điểm. Theo anh, trong khoảng thời gian này độ mặn trong vuông còn cao nên tôm, cua phát triển tốt ít bị bệnh. Đầu tháng 1 dương lịch, sau khi thu hoạch lúa trên đất tôm, anh cải tạo vuông, thả 100.000 con tôm giống. Sau khoảng 3 tháng nuôi, anh bắt đầu thu hoạch tôm vụ 1. Đối với tôm vụ 2, sau khi thả tôm vụ 1 khoảng 2,5 tháng, thì cải tạo ao dèo thả 100.000 con tôm giống vụ 2. Thu hoạch hết tôm vụ 1, xử lí nước trong vuông đạt yêu cầu sẽ chuyển tôm trong ao dèo ra vuông nuôi. Làm như vậy vừa tranh thủ được thời gian, vừa tránh được mầm bệnh từ vụ tôm trước lây qua vụ tôm sau.

Đối với cua sau khi thả tôm sú được 01 tháng, anh tiến hành cải tạo ao dèo, thả 4.000 con cua giống. Để cua đạt tỷ lệ sống cao, phải diệt sạch cá tạp trong ao, đặc chà cho cua trú ẩn, đồng thời bổ sung thức ăn cho cua. Cua được ương trong ao dèo 15 ngày sẽ chuyển ra vuông nuôi. Trong thời gian nuôi, thường xuyên kiểm tra các yếu tố môi trường nước, định kỳ thay nước vuông nuôi, bón phân, vôi, vi sinh ... để ổn định môi trường nước, tạo thức ăn tự nhiên cho tôm, cua. Sau 8 tháng nuôi, anh Hận thu hoạch 02 vụ tôm sú được 240 triệu, trừ chi phí còn lãi 190 triệu. Thu hoạch cua được 54 triệu đồng, trừ chi phí còn lãi khoảng 41 triệu đồng.

Gia đình anh Nguyễn Minh Hận thu hoạch tôm càng xanh

Đối với trà lúa trên đất tôm, anh thực hiện đúng theo qui trình canh tác mà ngành nông nghiệp khuyến cáo. Đầu tháng 8 dương lịch khi trời mưa nhiều, anh cải tạo vuông (rửa mặn, phèn...). Đến đầu tháng 9, chọn giống lúa lai B-TE 01 xuống giống trên diện tích 4 ha, kết hợp thả 50.000 giống tôm càng xanh. Tôm càng xanh được ương trong ao dèo 20 ngày, khi sạ lúa xong thì chuyển tôm ra vuông nuôi. Để mô hình nuôi tôm càng xanh xen lúa đạt hiệu quả cao thì khâu chăm sóc và quản lí rất quan trọng. Trong canh tác lúa, thực hiện theo chương trình "3 giảm 3 tăng" mà ngành nông nghiệp khuyến cáo, theo dõi sự phát triển của lúa, bón phân cân đối, sử dụng các loại thuốc như: Amittatop, Tilt, Flash... để phòng và trị bệnh cho lúa. Đối với nuôi tôm càng xanh, định kỳ thay nước, bón vôi,... để ổn định môi trường nước, tạo điều kiện cho tôm lên ruộng lúa tìm thức ăn, kích thích tôm lột lột xác, mau lớn. Đến tháng 12, anh tiến hành thu hoạch lúa, thu được 146 triệu đồng, trừ chi phí còn lãi 94 triệu. Tôm càng xanh thu hoạch được 450 kg bán được 56 triệu đồng, trừ chi phí còn lãi 43 triệu đồng. Với những nỗ lực và thành công đạt được trong những năm qua, Anh vinh dự được tặng nhiều giấy khen, bằng khen của UBND huyện và tỉnh. Anh cũng luôn sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với bà con nông dân để ngày càng có nhiều mô hình sản xuất mang lại hiệu quả cao hơn.

Theo Ông Trần Văn Liêm, Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu: Hiện tại huyện có gần 10.200 ha diện tích thực hiện mô hình đa canh, đa con như: Mô hình 03 vụ tôm sú kết hợp với cua, cá sấu; 02 vụ tôm sú kết hợp với cua, 01 vụ lúa kết hợp nuôi tôm càng xanh và trồng màu trên bờ liếp vuông tôm... Bà con đã tận dụng tối đa diện tích canh tác để kết hợp các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế giúp tăng hiệu quả sản xuất, đồng thời làm giảm thiểu rủi ro do độc canh tôm sú. Trong thời gian tới phòng Nông nghiệp và PTNT huyện sẽ tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật nuôi cho bà con tại các vùng có điều kiện sản xuất thuận lợi, giúp bà con phát triển kinh tế gia đình, tăng thu nhập ■

TRẦN THANH HẢI
Trạm Khuyến nông huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

CHUYỆN LÀM GIÀU CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN TRÊN VÙNG RỐN LŨ

Từ 2 bàn tay trắng, người nông dân chân chất dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với khó khăn thử thách… này đã gặt hái được thành công, với tài sản hiện tại hàng tỷ đồng. Chuyện làm giàu của nông dân Đàm Thọ ở thôn Trung Sơn xã Lộc Yên huyện Hương Khê đã thực sự lôi cuốn chúng tôi với những thăng trầm của nghề nông - vốn được xem là bấp bênh bởi vốn đầu tư cao nhưng lại nhiều rủi ro.

Hiện nay, vợ chồng anh nông dân Đàm Thọ đã sở hữu một trang trại lớn với hơn 100 con lợn rừng

Nhìn trang trại tổng hợp của vợ chồng anh Thọ ít ai biết được rằng trước kia nơi này là vùng đất cằn cỗi, bạc màu, chẳng ai muốn làm... Ấy vậy mà, anh đã biến vùng đất này thành một trang trại với những vườn cây ăn quả, ao thả cá và khu chuồng trại chăn nuôi khoa học..., Câu chuyện "bắt đất bạc nhả vàng" của anh Thọ đưa chúng tôi trở về với thời điểm cách đây hơn 20 năm khi anh bắt đầu "khai hoang, lập trại".

Trong khi nhiều người ở nông thôn tìm cách đi làm ăn xa, đến các thành phố lớn để tìm việc làm thì vợ chồng anh Đàn Thọ lại gắn bó và chọn hướng làm giàu ngay tại quê hương mình. Vợ chồng anh đã bắt đầu khai hoang, lập nghiệp trên vùng đất cằn cỗi Khe Cơn Trường với hành trang ban đầu chỉ có vài con gà, con lợn. Ban ngày vợ chồng anh lên đồi làm đất, khai hoang, phục hóa, tối về lại đi bắt cá, mò cua để có tiền trang trải cuộc sống hàng ngày và làm vốn đầu tư. Sau khi khai hoang được 2ha rừng đầu tiên, vợ chồng anh đã trồng cây lương thực, chăn nuôi gà, lợn phục vụ cho cuộc sống gia đình, một phần còn lại mang ra các chợ bán. Những đồng tiền đầu tiên tích lũy được đã cho vợ chồng anh thêm nghị lực. Tâm niệm rằng "đất không phụ công người" vợ chồng anh Thọ quyết định mua 50 cây cam các loại và 50 cây bưởi Phúc Trạch về trồng với hy vọng cây sẽ cho quả ngọt. Tuy nhiên, sự khắc nghiệt của thiên nhiên đã không chừa một ai. Đợt lũ năm 1997 đã khiến toàn bộ vườn cây ăn quả của vợ chồng anh bị tàn phá. Trở về con số không nhưng vợ chồng anh vẫn không nản chí, anh luôn cho rằng "có niềm tin ắt sẽ có thắng lợi" nên ngay cả những lúc trang trại đứng trước những khó khăn lớn nhất, anh vẫn luôn động viên vợ con "thua keo này ta bày keo khác". Nhận được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và được tiếp cận nguồn vốn tín dụng; sau khi tham khảo kiến thức, kinh nghiệm sản xuất, chăn nuôi trên báo, đài, internet và tham gia các lớp tập huấn, với quyết tâm bám trụ trang trại, vợ chồng anh đã mạnh dạn nhận thêm diện tích đồi trọc. Anh trồng 2 ha bưởi Phúc Trạch, chuyển đổi 5 ha đất trồng keo sang trồng cây ăn quả, cải tạo khe suối, đào ao nuôi cá, nuôi vịt… Sự cố gắng của vợ chồng anh cuối cùng cũng được đền đáp, trang trại ngày càng phát triển và cho thu nhập ổn định.

Cuộc sống gia đình anh ngày càng được cải thiện do thu nhập năm sau luôn cao hơn năm trước. Không dừng lại ở đó, với kinh nghiệm đã tích lũy được cộng với nguồn vốn từ chính sách hỗ trợ của nhà nước, vợ chồng anh tiếp tục đầu tư, mở rộng trang trại và phát triển thêm nhiều cây, con khác. Từ chăn nuôi lợn theo hướng liên kết, sau khi lợn mất giá vợ chồng anh lại chuyển sang nuôi lợn rừng đến xây dựng vườn ươm giống. Đến nay vợ chồng anh đã sở hữu một trang trại lớn với hơn 100 con lợn rừng và các loại vật nuôi khác như gà, vịt, cá; 15ha vườn ươm giống cam và bưởi Phúc Trạch; mang lại nguồn thu nhập gần 2 tỷ đồng/năm. Từ trang trại này, anh chị đã xây dựng cơ ngơi khang trang với đầy đủ tiện nghi sinh hoạt và nuôi các con khôn lớn, trưởng thành.

Chia sẻ với chúng tôi anh Thọ cho biết: Lúc đó vợ chồng tôi cũng không dám nghĩ là mình có thể xây dựng được trang trại rộng lớn như thế này. Quá trình cải tạo đất quá khó khăn, rồi đào hố trồng cây, xây chuồng trại đều tự làm… Nhiều đêm, nằm nghe tiếng ếch nhái kêu đã thấy nản chứ chưa nói đến giấc mơ làm giàu. Nhưng trong khó khăn, vợ chồng tôi luôn động viên nhau là phải cố gắng, nỗ lực hết mình.

Nhìn gương mặt phấn khởi của anh Thọ khi kể chuyện làm giàu, chúng tôi thầm cảm phục người nông dân chân lấm tay bùn, dám nghĩ, dám làm, biết lựa chọn cho mình hướng đi đúng đắn. Thành công sẽ đến với những người nông dân chịu thương, chịu khó, kiên trì và quyết đoán ■

ĐẶNG THỊ THUẬN
Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

THÀNH CÔNG TỪ MÔ HÌNH NUÔI CÁ BẰNG CÔNG NGHỆ MỚI

Mô hình nuôi cá theo công nghệ "sông trong hồ" giúp bà con chủ động được nguồn nước, đạt năng suất cao

Mô hình nuôi cá theo công nghệ mới "sông trong hồ" mà chúng tôi tới thăm là mô hình của anh Đặng Văn Dũng ở xã Thượng Nông, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Mô hình là một dòng sông luôn chảy được tạo ra trong một hồ nước tĩnh, với chiều dài 25m, rộng 5 m, độ sâu 2m (mức nước 1,7m) nuôi 8000 cá, bao gồm 7000 cá trắm và 1000 cá chép trong diện tích 100m^2. Chi phí xây dựng mô hình khoảng 140 triệu đồng, chưa kể cá giống.

Anh Dũng cho biết, với kỹ thuật nuôi mới này, trong suốt quá trình nuôi, cá không bị bệnh tật. Đặc biệt, hiện tượng cá chết do thiếu oxy như nuôi trong hồ theo cách truyền thống không còn, tỷ lệ nuôi sống đạt 99%. Thức ăn cho cá chủ yếu là bèo lục bình thái nhỏ có bổ sung thức ăn viên, ngày cho ăn 2 bữa. Kích cỡ cá lúc thả là 24 con/kg, sau 2,5 tháng nuôi đạt trọng lượng 7 con/kg. Dự kiến sau 6 tháng nuôi cá sẽ đạt 3 kg/con, tổng sản lượng cá thu hoạch khoảng 20 tấn, cao gấp 3 - 4 lần so với cách nuôi truyền thống.

Công nghệ nuôi cá "sông trong hồ" là một công nghệ nuôi trồng thủy sản mới đã được áp dụng thành công ở Mỹ và Israel. Công nghệ này không chỉ cho năng suất cao mà còn có giúp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản. Người nuôi chủ động được nguồn nước do nước trong ao không cần thay mà được xử lý và lọc sạch và quay lại ao theo một vòng tuần hoàn. Khi đưa cá vào nuôi đến một mức độ ổn định, cân bằng giữa các loài nuôi và tự làm sạch môi trường thì sẽ hình thành hệ sinh thái ổn định... Nước sau khi lắng lọc sẽ được trở lại hệ thống ao nuôi. Chất thải và thức ăn thừa được làm sạch bằng chế phẩm sinh học. Mặt khác hệ thống máy nén đưa không khí nén qua hệ thống máng độn dưới đáy ao. Không khí nén được độn dưới đáy và đẩy từ dưới lên mặt. Hiện tượng oxy hóa làm cho khí độc bay lên. Khí nén xuống đáy ao cũng tạo ra dòng chảy và đẩy các khí độc khỏi đáy ao. Thay vì phải thay nước trong ao nuôi như trước kia, hệ thống này không thay và thải nước ra ngoài nên tránh được việc lây lan mầm bệnh ra môi trường xung quanh.

Theo cán bộ khuyến nông huyện Phú Thọ, trước đây khi nuôi cá theo kiểu truyền thống thì tỷ lệ cá hao hụt nhiều do nguồn nước đầu vào chưa được xử lý, chỉ một vài con cá bị bệnh có thể lây lan cả ao, khi cá mắc bệnh rất khó điều trị dứt điểm. Người nuôi cũng rất khó kiểm soát độ lớn cũng như số lượng cá. Hơn nữa, thức ăn cho cá chỉ có thể ước tính chứ chưa có định lượng kỹ càng nên còn lãng phí. Nếu cho cá ăn nhiều, thức ăn sẽ đọng lại, sinh ra những vi khuẩn không có lợi, gây ô nhiễm môi trường, có thể phát sinh nguồn bệnh. Việc thu hoạch cũng gặp nhiều khó khăn nhất là lúc thời tiết bất lợi. Chi phí cho thu hoạch cao vì phải đánh bắt cả ao rộng lớn. Quá trình thu hoạch thường có hiện tượng cá bị sót lại nên đợt thả nuôi tiếp theo dễ xảy ra hiện tượng cá bé bị ăn thịt.

Với mô hình mới này, cá được nuôi trong phạm vi bể đã xây chứ không nuôi toàn ao, máy bơm ở đầu bể sẽ đẩy nước luôn luôn lưu thông một chiều. Khi nước chảy liên tục, cá trong bể hình thành thói quen bơi ngược dòng 24/24 giờ nên cá luôn luôn vận động. Đây là yếu tố rất quan trọng giúp cho thịt cá săn chắc hơn. Nhờ nuôi trong phạm vi bể này nên có thể kiểm soát tốt thức ăn. Để làm tốt mô hình này, bà con cần chú ý đảm bảo lượng thức ăn cho cá trong sông bằng khoảng 3% khối lượng cá. Chất lượng thức ăn cần protein và năng lượng cao hơn nuôi cá truyền thống vì cá thường xuyên phải vận động, bơi ngược dòng, nguồn điện cung cấp đảm bảo 100% trong suốt quá trình nuôi, máy phát điện nên vận hành thử ít nhất 1 lần/tuần để khi mất điện là máy chạy được ngay, cần vệ sinh thường xuyên bộ lọc máy thổi khí, ống sục khí cần làm sạch sau 90 ngày nuôi, mắt lưới ở cổng chắn nên cọ rửa 1 - 2 lần/tuần ■

NGUYỄN VĂN BẮC
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

PHÒNG VÀ GIÁM SÁT DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Phòng bệnh tốt, giúp vật nuôi khỏe mạnh, cho năng suất cao

Trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, phòng bệnh là vấn đề được quan tâm hàng đầu, khi phòng bệnh tốt, vật nuôi khỏe mạnh cho năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều hộ chăn nuôi còn hạn chế về nhận thức hoặc chủ quan do đó dịch bệnh vẫn thường xuyên xảy ra trên đàn vật nuôi, không chỉ ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi mà nhiều dịch bệnh ảnh hưởng đến tính mạng người chăn nuôi và người tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

Hiện nay, thời tiết bất lợi, mưa bão, lũ thường xuyên xảy ra ở các tỉnh miền Trung, Nam Trung bộ; nóng lạnh bất thường ở các tỉnh miền Bắc, đồng thời số lượng các đàn vật nuôi tăng, việc vận chuyển giao lưu giữa các vùng tăng để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thực phẩm cao vào dịp cuối năm, do đó nguy cơ phát sinh dịch bệnh trên động vật là rất cao. Để tăng cường công tác phòng bệnh và giám sát dịch bệnh động vật, chúng ta cần thực hiện tốt các nội dung sau:

I. Phòng bệnh động vật

1. Nơi chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, dụng cụ dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, diệt vật chủ trung gian định kỳ và sau mỗi đợt nuôi; nơi chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải theo quy hoạch của địa phương hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Chất thải trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải được xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đối với hệ thống nuôi trồng thủy sản kín, nguồn nước nuôi phải bảo đảm chất lượng; nước thải, chất thải phải được xử lý trước khi xả thải bảo đảm vệ sinh thú y và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Con giống, thức ăn sử dụng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải bảo đảm an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y và theo quy định của pháp luật về giống vật nuôi, pháp luật về thức ăn chăn nuôi.

4. Động vật phải được phòng bệnh bắt buộc đối với bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

5. Vắc-xin phòng bệnh bắt buộc trong các chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật, phòng, chống dịch bệnh khẩn cấp do ngân sách nhà nước hỗ trợ; cơ quan quản lý chuyên ngành thú y chịu trách nhiệm xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng vắc-xin phòng bệnh động vật.

II. Giám sát dịch bệnh động vật

1. Giám sát dịch bệnh động vật nhằm phát hiện sớm dịch bệnh có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế - xã hội, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật, các bệnh truyền lây giữa động vật và người.

2. Chương trình giám sát dịch bệnh động vật được cơ quan có thẩm quyền ban hành đối với một số dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật để khuyến khích chủ vật nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản chủ động phòng, chống dịch bệnh động vật.

Con giống trong chăn nuôi phải đảm bảo an toàn dịch bệnh

Sau một đợt nuôi, cần vệ sinh, tiêu độc chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi

3. Chủ cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thực hiện các hoạt động sau đây:

a. Xây dựng và giám sát dịch bệnh động vật tại cơ sở theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

b. Khi tham gia chương trình giám sát dịch bệnh động vật, chủ cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y và được vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi vùng có dịch theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

c. Theo dõi, ghi chép quá trình nuôi, phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật;

d. Báo cho chính quyền, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y khi có kết quả kiểm tra xác định động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch và Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người; thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định.

4. Cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý chuyên ngành thú y khi có kết quả xét nghiệm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch và Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người.

5. Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y tổ chức thực hiện giám sát bệnh động vật như sau:

a. Căn cứ diễn biến của dịch bệnh động vật, xây dựng chương trình giám sát dịch bệnh động vật trong quá trình nuôi, vận chuyển, giết mổ, buôn bán, nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật;

b. Chủ động điều tra, lấy mẫu giám sát dịch bệnh động vật;

c. Định kỳ hoặc đột xuất giám sát các bệnh truyền nhiễm có thể lây giữa động vật hoang dã và động vật nuôi tại cơ sở nuôi động vật hoang dã, vườn thú, vườn chim, khu bảo tồn đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên;

d. Căn cứ kết quả giám sát, đặc điểm dịch tễ của bệnh động vật, tiến hành dự báo, cảnh báo về một số dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật và hướng dẫn biện pháp phòng, chống dịch bệnh; trường hợp phát hiện dịch bệnh truyền lây giữa động vật và người thì phải thông báo kịp thời cho cơ quan y tế cùng cấp, cảnh báo tới người chăn nuôi và cộng đồng để chủ động thực hiện các biện pháp cách ly động vật lây nhiễm, phòng, chống dịch bệnh động vật lây sang người;

đ. Xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về giám sát dịch bệnh động vật và thông tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật; tiếp nhận và phản hồi thông tin về tình hình dịch bệnh động vật;

e. Xác nhận cơ sở tham gia chương trình giám sát dịch bệnh động vật bảo đảm an toàn ■

TS. NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

KỸ THUẬT CHĂN NUÔI BÊ SAU CAI SỮA VÀ BÒ HẬU BỊ

Trong giai đoạn nuôi hậu bị nên và cho bò ăn tự do thức ăn thô xanh, chất lượng tốt

1. Kỹ thuật chăn nuôi bê sau cai sữa đến 12 tháng tuổi

Giai đoạn 7 - 12 tháng tuổi là giai đoạn khủng hoảng dinh dưỡng của bê vì nguồn sữa mẹ bị cắt hoàn toàn, khả năng tận dụng thức ăn thô xanh của bê còn hạn chế do khu hệ vi sinh vật dạ cỏ phát triển chưa hoàn chỉnh. Vì vậy, trong giai đoạn này cần cung cấp cho bê thức ăn đủ về số lượng và chất lượng nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của stress và tạo điều kiện cho bê phát triển tốt trong giai đoạn sau.

Tiêu chuẩn và khẩu phần ăn

Trong thời kỳ này bê có thể sử dụng được thức ăn thô xanh, nên tốt nhất là chăn thả trên bãi chăn, đồng cỏ. Việc chăn thả như vậy giúp khai thác tối ưu đồng cỏ và giúp bê có điều kiện tốt để vận động và phát triển cơ thể. Khẩu phần cỏ xanh hàng ngày của bê cần đảm bảo đủ 15kg/con/ngày (lúc đạt 7 tháng tuổi), 20kg khi 12 tháng tuổi), lượng thức ăn tinh từ 1 - 2kg/con/ngay.

Với điều kiện nuôi dưỡng như vậy nếu thấy bê không tăng trọng hoặc tăng trọng chậm, lông xù xì cần tiến hành kiểm tra phân để tìm trứng giun sán. Trường hợp có giun sán, tiến hành tẩy. Nếu không có giun sán thì tăng thêm 0,5 - 1kg rỉ mật hoặc bột sắn. Trong điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng tốt bê 15 - 20 tháng tuổi có thể đạt 65 - 70% khối lượng cơ thể gia súc trưởng thành.

Chăm sóc và quản lý

Phân đàn: dựa vào độ tuổi, thể trọng, tình hình sức khỏe và tính biệt (phải nuôi tách riêng bê đực và bê cái).

Vận động: Nếu bê nuôi nhốt thì hàng ngày phải cho vận động trong thời gian 4 - 6 giờ. Trong thời gian này kết hợp cho bê ăn cỏ khô và các thức ăn khô khác ngay trên bãi vận động.

Huấn luyện: bê đực làm giống tập cho nhảy giá và phối giống.

2. Kỹ thuật chăn nuôi bò hậu bị từ 13 - 24 tháng tuổi

Sau khi cai sữa, chọn những con đực, cái tốt nhất để làm giống gọi là giai đoạn nuôi hậu bị. Giai đoạn này kéo dài từ lúc đạt 13 tháng tuổi cho đến phối giống có chửa đối với bê cái hoặc bắt đầu đưa vào sử dụng đối với bê đực (lúc đạt 18 - 24 tháng tuổi).

Tiêu chuẩn và khẩu phần ăn

Trong giai đoạn nuôi hậu bị nên chăn thả và cho chúng ăn tự do thức ăn thô xanh chất lượng tốt, có bổ sung thêm các chất dinh dưỡng như đạm, khoáng, vitamin... Mặt khác, cũng cần lựa chọn các loại thức ăn có giá trị năng lượng cao đưa vào khẩu phần (ngô, cám 1…), giảm thiểu các loại thức ăn thô xanh kém chất lượng để giữ dạng hình bụng đực giống thon gọn.

Khẩu phần thức ăn hàng ngày của bò trong giai đoạn nuôi hậu bị:

Tháng tuổi	Đvt	Cỏ tươi	Thức ăn tinh hỗn hợp	Ghi chú
13 - 18	Kg/con/ngày	20 - 25	1,5	Lượng thức ăn tinh cho ăn 2 lần/ngày
19 - 24	Kg/con/ngày	30 - 35	2,0	

Chăm sóc và quản lý

Giai đoạn này cần nuôi tách riêng bò đực và bò cái.

Cần chú ý đảm bảo số lượng và chất lượng thức ăn để chúng không bị còi cọc, bệnh tật, ảnh hưởng đến tuổi thành thục sinh dục và khả năng sinh sản của chúng sau này…

Các biện pháp vệ sinh, phòng bệnh: thức ăn, nước uống luôn sạch sẽ; định kỳ tiêm phòng vắc-xin và tẩy uế chuồng trại.

Trường hợp nuôi nhốt tại chuồng, bắt buộc phải cho chúng vận động ngoài trời, mỗi ngày ít nhất hai lần, mỗi lần 2 - 3 giờ, đặc biệt là đối với đực giống hậu bị ■

TS. NGUYỄN THỊ HẢI
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

BỆNH SƯƠNG MAI HẠI CÂY CÀ CHUA

I. Triệu chứng bệnh

Gây hại từ khi cây còn nhỏ trở đi, hại nặng từ khi cây ra hoa - quả. Vết bệnh bắt gặp ở cả thân, lá, hoa, quả; Trên lá vết bệnh thường bắt đầu từ rìa lá, có màu xanh tái như úng nước, sau đó xuất hiện lan khắp lá, vết bệnh có hình dạng bất thường màu nâu, xám bạc, bệnh nặng làm lá thối nhũn, thời tiết khô vết bệnh khô giòn dễ vỡ. Vết bệnh trên thân thường có màu xám đen hơi lõm chạy dọc thân cành. Trên hoa: vết bệnh có màu nâu đen ở đài hoa, cuống hoa làm hoa rụng. Bệnh hại trên trái làm trái cứng màu vẫn xanh đến thâm đen, không thể chín, bệnh nặng làm rụng quả.

II. Nguyên nhân gây bệnh và đặc điểm phát sinh

Bệnh do nấm *Phytophthora infestan Mont de Bary* gây ra: bệnh xuất hiện trong điều kiện nhiệt độ thấp 18-20^{0}C, trời âm u có sương mù, ẩm độ cao > 80%. Ở các vùng đất thấp, khó thoát nước bệnh rất dễ phát sinh gây hại. Các ruộng bón thừa đạm cũng tạo điều kiện cho bệnh dễ phát sinh và lây lan. Bào tử nấm phát tán và rơi trên lá nhất là khi có hạt sương tạo điều kiện cho chúng dễ nảy mầm hình thành nên vết bệnh và có thể nhìn thấy rõ nhất là một viền bột màu trắng (lớp mốc trắng như sương) xung quanh rìa của vết bệnh ở mặt dưới của phiến lá, đó là các sợi nấm và động bào tử (zoospore). Bệnh thường gây hại nặng từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau trên cây cà chua, khoai tây. Nấm tồn tại trong cây bị nhiễm bệnh, trong đất, trong tàn dư cây trồng, lan truyền theo gió, mưa, sương mù,…

Vết bệnh trên lá

Vết bệnh trên quả có màu xanh rất cứng

III. Biện pháp quản lý và phòng trừ

+ Sau mỗi vụ thu hoạch các cây rau, cần vệ sinh đồng ruộng, thu gom, tiêu hủy tàn dư cây bị bệnh.

+ Đất trồng cà chua nên luân canh với các cây không cùng ký chủ như lúa nước, cây họ rau thập tự,… và không trồng liền vụ với các cây họ cà.

+ Cần cày, rắc vôi bột, phơi ải đất hoặc xử lý đất trước khi trồng vụ mới. Lên luống cao và thoát nước tốt.

+ Trồng giống kháng bệnh, giống sạch bệnh.

+ Bón phân cân đối NPK, tăng cường sử dụng phân hữu cơ hoai mục, phân hữu cơ vi sinh.

+ Trong quá trình chăm sóc cần ngắt và tiêu hủy lá già, thân lá bị bệnh nặng, bấm ngọn kịp thời, để giàn cây thông thoáng.

+ Khi phát hiện bắt đầu có cây bị bệnh cần theo dõi diễn biến bệnh nếu có hiện tượng tăng lên hoặc thời tiết thuận lợi cho chúng lây lan cần tiến hành phun thuốc bảo vệ thực vật để ngăn chặn bệnh.

+ Có thể dùng một trong các loại thuốc có hoạt chất: Mancozeb, Metalaxyl, Fosetyl Aluminium, *Cymoxanil,...* (Ridomil Gold 68WG, Aliette 80WP, Daconil 75WP, Polyram 80DF, Ridozeb 72WP, …) phun 2 lần, 7-10 ngày/lần để ngừa hoặc khi mới chớm bệnh. Sử dụng theo hướng dẫn của từng thuốc trên bao bì sản phẩm ■

NGUYỄN THỊ NHUNG
Viện Bảo vệ Thực vật

KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY KHOAI TÂY

(Tiếp theo Kỳ 1 và hết)

6. Chăm sóc

a. Phủ luống

Sau trồng có thể phủ luống khoai tây bằng chất liệu hữu cơ như: rơm, rạ hoặc mùn mục để tạo độ tơi xốp cho đất, giúp cho việc trao đổi chất.

b. Xới xáo, làm cỏ, vun gốc

- Khi cây mọc lên khỏi mặt đất 7-10 ngày, cao khoảng 15 - 20 cm tiến hành chăm sóc lần 1 bằng cách xới nhẹ, làm sạch cỏ, bón thúc đợt 1 rồi vun luống, kết hợp tỉa cây để lại 2-3 mầm chính.

- Cách lần 1 từ 15-20 ngày khi đã qua tưới nước lần 2 thì tiến hành xới nhẹ, làm cỏ và vun luống lần cuối, lấy đất ở rãnh vun cho luống to và cao, dày cố định luôn, vun luống không đủ đất sẽ làm vỏ củ bị xanh hoặc mọc thành cây. Vét đất ở rãnh để khi ruộng bị nước sẽ nhanh khô.

Vun luống lần 1, và lần 2

c. Tưới nước

Thường xuyên giữ đất đủ ẩm, dùng nguồn nước sạch để tưới. Trong 60-70 ngày đầu khoai rất cần nước, nếu thiếu nước hoặc nước trong ruộng không đồng đều lúc khô, lúc ẩm làm củ bị nứt, chất lượng củ và năng suất giảm.

Có hai phương pháp tưới cho khoai tây:

- Tưới gánh: Không tưới nước trực tiếp vào gốc khoai mà tưới xung quanh gốc. Có thể kết hợp tưới với phân đạm và kali nhưng phải chú ý lượng phân hòa với nước, thùng 10-12 lít chỉ pha 1 nắm phân nhỏ là vừa. Không kết hợp tưới nước với phân chuồng vì có nhiều nấm gây thối củ.

- Tưới rãnh: Với ruộng phẳng, cho nước ngập 1/2 rãnh, khi nước ngấm đều thì tháo kiệt, tránh để nước đọng ở rãnh trong thời gian dài sẽ làm phát sinh và lây lan nguồn bệnh. Đặc biệt, khi phát hiện trên ruộng có bệnh héo xanh vi khuẩn thì tuyệt đối không được tưới rãnh vì sẽ tạo điều kiện cho bệnh lây lan rộng. Từ khi trồng đến khi khoai 60-70 ngày thường có 3 lần tưới nước. Tưới phải kết hợp với xới xáo, làm cỏ, bón phân thúc.

+ Tưới lần 1: Sau trồng khoảng 2-3 ngày, khi khoai mọc cao khoảng 20-25 cm, nếu đất khô có thể dẫn nước vào ruộng, mỗi lần chỉ cho vào 3-4 rãnh, khi đủ nước thì cho tiếp vào 3-4 rãnh khác, lấp đầy rãnh củ, tháo đầu rãnh mới để nước thêm đều vào luống. Đất cát pha cho ngập ½ luống; đất thịt nhẹ cho ngập 1/3 luống, cho nước vào cùng một lúc nhiều rãnh hơn.

+ Tưới lần 2: khoảng 2-3 tuần sau lần 1, đất cát pha cho nước ngập 2/3 luống, đất thịt nhẹ cho ngập ½ luống làm như lần 1. Kết hợp bón thúc đợt 1 và khử lẫn cây lẫn giống, nhổ bỏ cây bệnh.

+ Tưới lần 3: Sau lần tưới 2 khoảng 15-20 ngày tiến hành tưới nước lần 3. Đợt tưới nước này cũng là kết thúc cho chu kỳ sản xuất khoai tây, kết hợp bón thúc đợt 2 và khử lẫn cây lẫn giống, nhổ bỏ cây bệnh.

Chú ý: Trước khi thu hoạch khoảng 2 tuần, cần ngừng tưới nước. Nếu trời mưa phải tháo nước kịp thời để đất khô ráo tuyệt đối.

7. Phòng trừ sâu bệnh hại chính

Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng và khuyến khích áp dụng các biện pháp quản lý cây trồng tổng hợp (Sử dụng giống kháng bệnh, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, kỹ thuật làm đất, bón phân, luân xen canh cây trồng hợp lý, vệ sinh đồng ruộng ...)

a. Sâu chính hại khoai tây

- Sâu xám: Sâu xám phát sinh nhiều trong điều kiện thời tiết lạnh, ẩm độ cao, chủ yếu phá hại từ tháng 11 đến cuối tháng 2 ở giai đoạn cây còn nhỏ. Sâu xám thường cắn ngang gốc cây khi khoai tây đang ở thời kỳ mọc. Khoảng 9-10 giờ tối sâu xám ở dưới đất chui lên mặt đất và bám vào cây để ăn lá, đến khoảng 5-6 giờ sáng thì chui xuống gốc cây hoặc dưới đất để ẩn.

Biện pháp phòng trừ:

+ Dẫn nước ngập ruộng trước khi chuẩn bị đất để trồng. Soi đèn bắt sâu vào 9-10 giờ tối hoặc vào buổi sáng sớm. Dùng bẫy chua ngọt để bẫy bướm (4 phần đường đen + 4 phần dấm + 1 phần rượu + 1 phần nước + 1% thuốc).

+ Dùng Basudine hạt để xử lý đất, liều lượng dùng từ 1,5-2,0kg cho một sào Bắc bộ hoặc dùng Nuvacron nồng độ 0,15%; Sumicidin 0,1% phun vào buổi chiều sau trồng.

- Nhện trắng: Nhện trắng thường xuất hiện và gây hại khi thời tiết ấm. Chúng tụ tập ở mặt dưới lá non, ngọn cây và chích hút dịch làm cho lá và ngọn quăn lại.

Dùng Supracide 40EC hoặc Pegrasus để phun phòng trừ.

- Bọ trĩ: Bọ trĩ xuất hiện và gây hại khoai tây khi thời tiết ấm. Chúng chích hút dịch lá làm cho lá bị khô và chết.

Dùng thuốc Supracide 40EC hoặc Treebon 10EC hoặc Sumicidin 20ND hoặc Bassa 50EC, Sherpa nồng độ 0,1- 0,15% để phun trừ ngay sau khi bọ trĩ xuất hiện.

- Rệp: Rệp có cơ thể hình bầu dục, thuôn dài, quanh mình có sáp trắng. Rệp cái không có cánh, rệp đực có cánh, trứng có lớp lông sáp phủ kín. Rệp nhỏ, dài khoảng 1- 2mm. Rệp sống trên nhiều loại cây. Với cây khoai tây, thời kỳ cây sinh trưởng mạnh (30 - 60 ngày tuổi) thường có rệp xuất hiện. Chúng tụ tập ở phần ngọn, ở các nách lá, nằm dưới mặt lá. Khi khoai gần thu hoạch, rệp sống chủ yếu ở gốc cây, bám vào mắt củ khoai gần mặt đất. Đến khi bảo quản, nhất là bảo quản bằng kho tán xạ thì rệp sống tập trung ở mắt củ, xung quanh mầm để hút dịch, làm thui mầm khoai.

Khi mật độ rệp xuất hiện cao, phun thuốc Altach 5EC, Cyper 25EC (20 ml/16 lít nước), Mospilan 3EC (20 ml/16lít nước), Hopsan 75EC (50 ml/16 lít nước), Nouvo 3.6EC (8-10 ml/16 lít nước); Pegasus 500EC hoặc Treebon 10EC.

- Sâu hà khoai tây: Sâu hà khoai tây chưa xuất hiện ở vùng trồng khoai tây miền Bắc, nhưng đã có ở Đà Lạt từ lâu. Sâu hà khoai tây gây hại ở thân, lá và củ. Khi chuyển giống khoai tây từ Đà Lạt đi vùng khác cần lưu ý đối tượng này để tránh lây lan.

Dùng Sherpha để phun.

b. Bệnh chính hại khoai tây

- Bệnh virut xoăn lùn:do virút Y gây ra, đây là loại bệnh phổ biến ở Việt Nam. Bệnh xoăn lùn thường làm giảm từ 10-90% năng suất.

Triệu chứng thường gặp: khi khoai tây bị bệnh này lá bị xoăn lại, cây còi cọc thấp lùn xuống, lá bị nhăn, phiến lá gồ ghề không phẳng, phiến lá có màu xanh đậm xen kẽ xanh nhạt trông không bình thườngcủ nhỏ và ít củ.

Bệnh virút cuốn lá

- Bệnh virút khảm: do virút X, S và M gây ra, bệnh ít nghiêm trọng hơn nhưng lại rất phổ biến ở Việt Nam, làm giảm năng suất 10-15%.

Triệu chứng thường gặp: cây bị bệnh virút khảm trên phiến lá có những vết đốm mầu vàng nhạt xen với mầu xanh tạo thành vết khảm lốm đốm

- Bệnh virút cuốn lá (PLRV): gây hại nghiêm trọng và làm giảm năng suất tới 90%.

Triệu chứng thường gặp: cây bị virút cuốn lá thì lá phía dưới bị cong cuốn lên, khi nắm lá vào tay và bóp mạnh lá bị gẫy dòn.

* Biện pháp phòng trừ bệnh virút chung:

+ Diệt trừ các tác nhântruyền bệnh như rệp và bọ phấn... Sử dụng giống sạch bệnh và nhổ bỏ cây bệnh. Bón phân cân đối, không bón nhiều phân đạm. Luân canh cây trồng, thu dọn tàn dư cây bệnh trên đồng ruộng. Không trồng khoai tây gần ruộng trồng cà chua, bầu, bí.

+ Gieo ươm cây con trong nhà lưới ngăn cản bọ phấn gây hại. Nhổ bỏ cây bị bệnh trên ruộng để tiêu hủy.

- Sử dụng thuốc để trừ bọ phấn truyền bệnh: Nouvo 3.6EC (8-10 ml/16 lít nước), Altach 5EC (15-20ml/16 lít nước), Cyper 25EC (15-20 ml/16 lít nước), Wellof 330EC (40 ml/ 16 lít nước).

- Bệnh héo xanh: Bệnh héo xanh, do vi khuẩn *Ralstonia solanacearum* gây nên. Đây là loại bệnh nghiêm trọng phổ biến ở vùng nhiệt đới nóng ẩm và lây lan nhanh.

Bệnh héo xanh

Biện pháp phòng trừ:

+ Sử dụng củ giống sạch bệnh, không bón phân tươi và nhổ bỏ cây bệnh.

+ Luân canh với lúa nước, không nên trồng khoai tây ở những ruộng mà trước đó vừa mới trồng khoai tây, cà chua, cà hoặc thuốc lá...

- Bệnh mốc sương: Do nấm Phytophhthora infestans gây nên. Khi nhiệt độ xuống thấp từ 15-18^{0}C có mưa phùn kéo dài, trời nhiều mây mù, độ ẩm không khí cao thường phát sinh bệnh mốc sương.

Bệnh mốc sương

Kiểm tra đồng ruộng và phun phòng đều trên 2 bề mặt của lá bằng thuốc Boóc đô nồng độ 1% hoặc Ridomil Mancozeb 72W; Zineb pha 25-30 gam/1 bình 10 lít.

- Bệnh héo vàng: Bệnh héo vàng do nấm (*Fusarium* spp) gây nên, cũng không thành dịch nghiêm trọng, nhưng khi trời nóng dễ xẩy ra ở thời kỳ mọc và cây phát triển, làm cho củ bị bệnh, gây ra thối khô trong kho bảo quản.Ban đầu những lá ở phía dưới bị vàng úa, sau đó những lá trên ngọn cũng vàng rồi héo và chết toàn cây. Bào tử nấm trên cây rơi xuống đất và xâm nhập vào củ. Nấm héo vàng bám vào củ khó phát hiện hơn nấm lở cổ rễ nên khi loại củ bị bệnh khó hơn và gây nên củ bị thối khô trong kho.

Bệnh vàng lá

Biện pháp phòng trừ: Sử dụng củ giống sạch bệnh để trồng; Trồng khoai tây luân canh với lúa nước; nhổ bỏ cây bị bệnh để tránh lây lan. Có thể dùng thuốc Moceren loại 25%WH phun lên cây với nồng độ 10 - 12g/bình phun tay.

8. Thu hoạch và bảo quản

a. Thu hoạch

Thu hoạch và phân loại khoai tây trên đồng ruộng

- Trước khi thu hoạch cần loại bỏ cây bệnh, cắt bỏ thân lá để hạn chế bệnh hại truyền về củ giống. Thu hoạch khoai tây ở thời điểm phù hợp khi thấy lá vàng, cây rạc dần với thời tiết khô ráo. Khoai tây giống thu hoạch sớm hơn 5 - 7 ngày so với khoai thương phẩm.

- Khi thu hoạch, cần phân loại cỡ củ, củ to và nhỏ riêng rẽ, để nhẹ nhàng cho vào sọt ngay trên đồng ruộng để tránh sự xây sát.

Bảo quản khoai tây trong bao bì

b. Bảo quản

- Loại bỏ những củ bị dập, không nguyên vẹn. Bảo quản những ở nơi khô, tối và thoáng khí.

- Khoai thương phẩm đóng gói trong bao bì, vận chuyển đến nơi tiêu thụ ■

VIỆN BẢO VỆ THỰC VẬT

MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP TRÊN CÁ NUÔI LỒNG, BÈ TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN BẮC VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG, TRỊ

(Tiếp theo Kỳ 1 và hết)

III. Bệnh ký sinh trùng trên cá nuôi lồng và biện pháp phòng trị

1. Bệnh trùng bánh xe

- Tác nhân gây bệnh: *Trichodina, Trichodinella, Tripartiella.*

- Đối tượng nhiễm bệnh: Hầu hết các loài cá nuôi nước ngọt, đặc biệt chúng gây tác hại lớn ở gian đoạn cá hương và cá giống.

- Nơi ký sinh: Da, mang.

- Dấu hiệu bệnh: Cá nhiễm bệnh có biểu hiện điển hình như bơi lội không định hướng, nổi từng đàn lên mặt nước, một số con tách đàn bơi quanh bờ, nguyên nhân do trùng ký sinh phá hủy các tơ mang khiến cá bị ngạt thở. Khi cá bị bệnh nặng cá tiết nhiều nhớt màu trắng đục, mang bạc trắng.

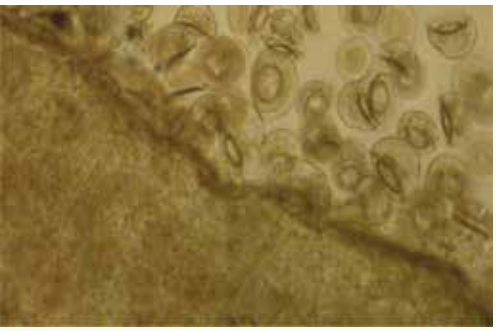

Trùng bánh xe ký sinh trên vây cá

Trùng bánh xe ký sinh trên mang cá

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Bệnh trùng bánh xe xuất hiện quanh năm, nhưng phổ biến nhất vào mùa xuân và đầu mùa hạ.

- Phương pháp chẩn đoán: Soi tươi mẫu bệnh phẩm bằng kính hiển vi.

- Biện pháp phòng bệnh:

** Phòng bệnh*: Áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp, không nuôi cá ở mật độ quá cao, thường xuyên treo túi vôi hoặc viên TCCA hoặc viên BKD trong lồng mỗi ngày rũ 4 - 5 lần để khử trùng môi trường nước và tiêu diệt mầm bệnh.

** Trị bệnh:*

+ Tắm nước muối (NaCl) 2-3% trong thời gian 5-15 phút.

+ Dùng sulphat đồng ($CuSO_4$) tắm với nồng độ 3-5g/m^3 trong thời gian 5-15 phút hoặc treo túi thuốc trong lồng.

2. Bệnh sán lá đơn chủ

Sán lá đơn chủ ký sinh trên mang cá

- Tác nhân gây bệnh: Sán lá đơn chủ đẻ trứng: *Dactylogyrus, Ancyrocephalus, Thaparocleidus, Trianchoratus, Pseudodactylogyrus, Sundanonchus và sán lá đơn chủ đẻ con Gyrodactylus.*

- Đối tượng nhiễm bệnh: Sán lá đơn chủ ký sinh trên hầu hết các loài cá nước ngọt nuôi ở các giai đoạn cá nuôi khác nhau, tuy nhiên chúng gây bệnh nghiêm trọng nhất đối với giai đoạn cá hương và cá giống.

- Nơi ký sinh: Da, mang, mắt.

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Bệnh thường xuất hiện vào mùa xuân và mùa thu.

- Dấu hiệu bệnh: Sán lá đơn chủ ký sinh trên da, vây, đuôi và mang cá, chúng tiết men phá hủy tế bào, tổ chức da và mang, kích thích gây cho cá tiết nhiều nhớt tại vị trí sán ký sinh. Khi nhiễm bệnh do sán lá đơn chủ, cá ít hoạt động hoặc hoạt động không bình thường, bơi lờ đờ, gầy yếu.

- *Biện pháp phòng, trị bệnh*

** Phòng bệnh*: Áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp, không nuôi cá ở mật độ quá cao, thường xuyên treo túi vôi hoặc viên TCCA hoặc viên BKD trong lồng mỗi ngày rũ 4-5 lần để khử trùng môi trường nước và tiêu diệt mầm bệnh. Chú ý chế độ chăm sóc quản lý và thức ăn cho cá để đảm bảo cá có sức đề kháng tốt.

** Trị bệnh:*

+ Tắm nước muối (NaCl) 2-3% trong thời gian 5-15 phút.

+ Dùng Thuốc tím ($KMnO_4$) hoặc Iodine tắm với liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì sản phẩm.

3. Bệnh trùng mỏ neo

- Tác nhân gây bệnh: *Lernaea* spp.

- Đối tượng nhiễm bệnh: Các loài cá nuôi nước ngọt đều có nguy cơ nhiễm loại bệnh này, đặc biệt cá mè rất nhạy cảm với bệnh này.

- Nơi ký sinh: Da, mang.

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Bệnh xuất hiện vào mùa xuân, mùa thu và mùa đông.

- Dấu hiệu bệnh lý: Trùng mỏ neo thường ký sinh ở các gốc vây, hốc mắt cá. Đầu trùng cắm sâu vào cơ cá, thân trùng lơ lửng trong nước gây hiện tượng xưng, tấy đỏ, chảy máu, cá yếu và chết. Các tổn thương trên cá tạo điều kiện cho tác nhân gây bệnh cơ hội là nấm và vi khuẩn trong môi trường nước xâm nhập vào cá. Do kích thước trùng lớn, nhìn thấy rõ bằng mắt thường, nên dễ nhận ra bệnh.

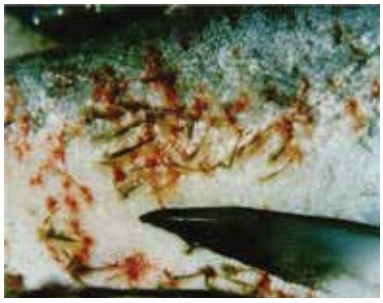

Trùng mỏ neo ký sinh trên cá

- Biện pháp phòng, trị bệnh:

** Phòng bệnh*: Áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp, không nuôi cá ở mật độ quá cao, thường xuyên treo túi vôi hoặc viên TCCA hoặc viên BKD trong lồng mỗi ngày rũ 4-5 lần để khử trùng môi trường nước và tiêu diệt mầm bệnh. Chú ý chế độ chăm sóc quản lý và thức ăn cho cá để đảm bảo cá có sức đề kháng tốt.

** Trị bệnh:*

+ Dùng lá xoan bó thành từng bó treo vào lồng

+ Dùng thuốc tím ($KMnO_4$) hoặc Iodine tắm với liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì sản phẩm.

4. Bệnh rận cá

- Tác nhân gây bệnh: *Argulus* sp, *Corallana* sp, *Alitropus* sp. Các giống rận gây bệnh cho cá nêu trên có đặc tính tự bảo vệ bản thân bằng cách thay đổi màu sắc, sao cho gần giống với màu sắc của cá. Kích thước của rận tương đối lớn, khoảng 5 -7 mm,

- Đối tượng nhiễm bệnh: Hầu hết các loài cá nuôi nước ngọt đều có thể nhiễm bệnh này.

- Nơi ký sinh: Da, mang

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Bệnh thường xuất hiện vào mùa xuân

- Dấu hiệu bệnh lý: Cá ngứa ngáy vận động mạnh, bơi "cuồng dại", cường độ bắt mồi giảm. Đối với cá nuôi lồng có thể nghe tiếng lách tách ở lồng khi cá nhiễm bệnh. Rận cá kích thước lớn nên dễ dàng nhìn thấy được bằng mắt thường.

Hình dạng của rận cá Argulus sp

Rận cá Alitropus sp *và Corallana* sp

- Chẩn đoán bệnh

+ Ghi nhận các biểu hiện bệnh lý bằng mắt thường

+ Dễ dàng nhận biết bệnh do kích thước của trùng ký sinh là lớn.

- Biện pháp phòng, trị bệnh:

** Phòng bệnh:* Áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp. Treo túi vôi xung quanh thành lồng với liều lượng 2-4kg/10m³ lồng hoặc viên TCCA hoặc viên BKD mỗi ngày rũ túi thuốc 4-5 lần để thuốc tan ra khử trùng môi trường nước và tiêu diệt tác nhân gây bệnh.

** Trị bệnh:* Dùng $KMnO_4$ cho vào túi treo xung quanh trong lồng.

5. Bệnh sán lá trên cá da trơn

- Tác nhân gây bệnh: Sán lá *Silurotaenia siluri.*

- Đối tượng nhiễm bệnh: Hầu hết các loài cá nước ngọt, nhiễm nhiều nhất là cá da trơn, cá ăn cá.

- Nơi ký sinh: Gan, thận, xoang bụng.

- Dấu hiệu bệnh: Cá chậm lớn, gầy yếu, gan có cá đốm trắng, sơ gan, ruột bị viêm loét.

Bệnh sán lá gan trên cá

- Biện pháp phòng trị:

** Phòng bệnh*: Áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp. Nên dùng thức ăn công nghiệp nuôi cá, không nên dùng thức ăn tươi sống, nếu dùng nên bỏ ruột cá sau đó rửa cá mồi bằng nước muối hoặc thuốc tím trước khi cho cá ăn.

** Trị bệnh:* Dùng thuốc tẩy giun, sán khi phát hiện cá bị nhiễm giun tròn *Procamallanus sp.* và sán *Silurotaenia siluri* dùng thuốc tẩy giun sán Fugacar với liều lượng 150 mg/kg cá, lặp lại sau 15 ngày hoặc dùng thuốc Praziquantel với liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì sản phẩm ■

NGUYỄN THỊ HÀ
Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc

? TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: Cây cà chua trồng được 2 tháng, đã có hoa, ngọn bình thường nhưng quả bị héo xanh, số lượng bị nhiều, không có sâu rệp, đã sử dụng thuốc chống sương nhưng không đỡ. Xin hỏi cách khắc phục?

Phạm Đình Sang, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Đáp:

Bệnh héo xanh do vi khuẩn *(Pseudomonas solanaceaerum)*:

Nguyên nhân: Đất bị nhiễm vi khuẩn héo xanh, vi khuẩn phát triển mạnh ở nhiệt độ 30-35^{0}C, tồn tại rất lâu trong đất và lan truyền qua hạt giống, cây bệnh và dụng cụ lao động. Triệu chứng điển hình là cây đang phát triển tốt nhưng vào giữa trưa nắng có một số cây bị héo rũ, đến chiều lại hồi phục, hiện tượng này diễn ra trong một thời gian sau đó cây héo và chết

Thường đất pha cát, nghèo dinh dưỡng bị bệnh nặng hơn các chân đất khác.

Biện pháp phòng trừ: Sử dụng hạt giống sạch bệnh; Sử dụng đất sạch bệnh làm bầu ươm cây. Việc tỉa cành bấm ngọn chú ý dụng cụ như dao, kéo cần phải khử trùng liên tục nếu trên ruộng đã xuất hiện bệnh. Sử dụng nguồn nước tưới không bị nhiễm bởi những tàn dư cây bệnh. Tăng cường nguồn phân hữu cơ cho cây khỏe để tăng khả năng chống chịu bệnh của cây. Không trồng ớt trên đất đã bị nhiễm bệnh nặng, đảm bảo chế độ luân canh tuyệt đối ít nhất 3-5 vụ với các cây trồng khác không cùng họ với cà chua như khoai tây và ớt.

Khi bệnh xuất hiện cần nhổ bỏ cây bệnh đem tiêu hủy xa nơi trồng. Trước khi trồng cà chua nên tiến hành khử đất thật kỹ để giảm hiện tượng cây héo xanh do vi khuẩn. Dùng thuốc Kasumin 2SL, pha 30-40ml thuốc/bình 8-10 lít nước để phun phòng (hoặc tưới gốc) 1-2 lần ở thời kỳ cây con hoặc 3-4 lần khi bệnh mới xuất hiện, phun định kỳ 7-10 ngày/lần.

Hỏi: Cá chép mới nuôi được khoảng 1 tuần, mấy ngày gần đây, cá có dấu hiệu nổi đốm trắng toàn thân rồi chết. Xin hỏi quý báo nguyên nhân và biện pháp khắc phục?

Phạm Duy Thông, xã Hưng Chiến, huyện Duy Long, tỉnh Bình Phước

Đáp:

Theo mô tả, cá chép có thể bị bệnh thích bào tử trùng (*Myxobolus* sp.) Đây là bệnh đặc hữu của cá chép. Loại thích bào tử trùng này có bào nang rất cứng và dày, dùng hóa chất và thuốc không có hiệu quả cao.

Hiện chưa có thuốc đặc trị mà chủ yếu áp dụng các biện pháp ngăn chặn sự lây nhiễm trong ao đang nhiễm bệnh và phòng bệnh trong quá trình nuôi. Ao đã bị bệnh cần dùng một số thuốc khử trùng như BKC, Iodine. Tiến hành khử trùng 3 ngày/lần, thực hiện 3 - 4 lần liên tục. Vụ sau cần cải tạo ao rất kỹ do thích bào tử trùng có thể tồn tại trong điều kiện môi trường khắc nghiệt, dễ lây lan từ vụ này sang vụ sau.

Sau khi cải tạo ao nuôi vụ sau, cần dùng vôi với liều lượng gấp đôi và phơi khô đáy ao toàn bộ trong 7 - 10 ngày, nhằm loại bỏ mầm bệnh triệt để.

Hỏi: Gia đình tôi nuôi 10 con lợn, hiện nay trọng lượng đạt khoảng 40 - 50kg, khi thay đổi thời tiết thì bỏ ăn và bị ho. Xin hỏi biện pháp khắc phục?

Nguyễn Xuân Điệp, Ba Vì, Hà Nội

Đáp:

Có thể lợn bị suyễn hoặc viêm đường hô hấp.

- Điều trị

Dùng một trong các loại thuốc đặc trị như Gentatylo hoặc Oxytetracyclin, Lincospecto, liều theo hướng dẫn sử dụng của hãng thuốc.

Kết hợp bổ sung vitamin, thuốc trợ sức, trợ lực cho lợn.

Khi điều trị bệnh, việc tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, cải thiện môi trường chăn nuôi, tăng thông thoáng và vệ sinh là điều quan trọng, giúp lợn nhanh hồi phục.

- Phòng bệnh

+ Dùng vaccin để phòng bệnh.

+ Thực hiện các biện pháp vệ sinh phòng bệnh

+ Mua lợn giống ở những nơi an toàn bệnh. Cách ly lợn ốm và lợn khoẻ.

+ Định kỳ tẩy uế chuồng trại và môi trường xung quanh ■

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

YÊN BÁI BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG CHÈ ĐẶC SẢN SUỐI GIÀNG

Trước đòi hỏi của thị trường, để phát triển giống chè đặc sản Suối Giàng, đã có hàng ngàn hộ nông dân ở Yên Bái đang sản xuất chè sạch theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, ISO... Hiện nay, nhãn hiệu "Chè Suối Giàng - Yên Bái" đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận. Tỉnh Yên Bái đã cấp phép sử dụng nhãn hiệu cho sản phẩm chè của 2 đơn vị là Hợp tác xã Suối Giàng (huyện Văn Chấn) và Công ty TNHH và phát triển Suối Giàng, nhằm tiếp tục phát triển thương hiệu và cung ứng chè Suối Giàng.

Ông Vàng A Giao - Phó Chủ tịch UBND xã Suối Giàng cho biết, việc phát triển cây chè đã giúp người dân xóa đói giảm nghèo, có nhiều hộ vươn lên làm giàu. Yên Bái đã phê duyệt Dự án đầu tư phát triển khu du lịch sinh thái Suối Giàng, hoàn thiện hồ sơ để đăng ký cấp chứng nhận chỉ dẫn địa lý; thực hiện đề án bảo tồn và phát triển bền vững vùng chè cổ Suối Giàng, nhằm từng bước đưa sản phẩm chè Shan Tuyết đạt tiêu chuẩn quốc tế (ISO 22000) trong thời gian sớm nhất.

Bên cạnh chè Shan Tuyết, chè Phình Hồ, tỉnh Yên Bái còn là địa phương có diện tích trồng chè rất lớn với nhiều sản phẩm như chè Yên Bình, Trấn Yên, Văn Chấn, Bát Tiên… Trước đòi hỏi của thị trường, có hàng ngàn hộ nông dân Yên Bái đã và đang sản xuất chè sạch theo tiêu chuẩn VietGap GlobalGap, ISO

Sản xuất chè sạch, chè an toàn giúp nâng cao giá trị, tăng thu nhập cho người trồng chè là "Giấy thông hành" cho sản phẩm chè Yên Bái đến với các thị trường trong nước và xuất khẩu.

Theo báo Công Thương

XOÀI VIỆT NAM CHÍNH THỨC ĐƯỢC VÀO THỊ TRƯỜNG MỸ

Theo ông Đào Trần Nhân, Tham tán Công sứ - trưởng đại diện Thương vụ tại Mỹ, Bộ Nông nghiệp Mỹ đã chính thức cho phép nhập khẩu trái xoài tươi từ Việt Nam vào Mỹ.

Cơ quan Kiểm dịch sức khoẻ động thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ công bố giấy phép có hiệu lực bắt đầu từ ngày 29-12 cho trái xoài tươi của Việt Nam được nhập khẩu vào thị trường Mỹ.

Xoài tươi từ Việt Nam sẽ vào thị trường Mỹ với điều kiện phải được kiểm soát một cách có hệ thống bao gồm tuân thủ các điều kiện về nhà vườn và cơ sở đóng gói, xử lý chiếu xạ, và kiểm dịch tại cửa khẩu nhập.

Trái xoài Việt Nam cũng phải được nhập khẩu thông qua hình thức các lô hàng thương mại và kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do một cơ quan kiểm dịch quốc gia của Việt Nam cấp với điều kiện kèm theo khẳng định lô hàng đã được kiểm dịch và không có chủng nấm Macrophoma, bọ cánh cứng và xoài không bị đốm đen, bọ bạc lá.

Đây là một trong những kết quả của cam kết tiếp tục mở cửa thị trường cho hàng hoá giữa Việt Nam và Hoa Kỳ được lãnh đạo hai nước khẳng định trong chuyến thăm Việt Nam vừa qua của Tổng thống Donald Trump và được nêu trong Tuyên bố chung giữa hai nước.

Trong buổi tiệc chiêu đãi Tổng thống Trump, Chủ tịch nước Trần Đại Quang cũng mời Tổng thống Trump và các thành viên trong đoàn thưởng thức món xoài cát Hoà Lộc.

Theo Vinanet

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

XUẤT KHẨU GẠO THÁI LAN CHỊU ẢNH HƯỞNG VÌ ĐỒNG BAHT TĂNG GIÁ

Chủ tịch Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan, Charoen Laothammathat, bày tỏ lo ngại về ảnh hưởng của việc đồng baht tăng giá mạnh gần đây đối với triển vọng xuất khẩu gạo trong năm 2018.

Báo chí Thái Lan ngày 12/12 dẫn lời ông Charoen nói rằng xuất khẩu gạo 2018 của nước này nhiều khả năng chỉ đạt 9,5 triệu tấn do đồng baht tăng giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình xuất khẩu gạo. Theo số liệu chính thức, đồng baht đã tăng hơn 9% giá trị lên 32,50 baht/USD vào đầu tháng 12 này, mức cao nhất trong vòng 31 tháng qua.

Tính từ đầu năm đến ngày 11/12, Thái Lan đã xuất khẩu 10,3 triệu tấn gạo, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu tăng cao vào dịp cuối năm góp phần thúc đẩy khối lượng xuất khẩu cao tại thời điểm tháng 12/2017.

Thái Lan đã kỳ vọng sẽ đạt mục tiêu xuất khẩu 11 triệu tấn gạo trong năm 2017. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, kể cả trong trường hợp Thái Lan đạt mục tiêu xuất khẩu vẫn không thể dành danh hiệu nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới do đến thời điểm này Ấn Độ đã xuất khẩu hơn 11 triệu tấn gạo.

Theo Vinanet

BỘ CÔNG THƯƠNG ẤN ĐỘ ÁP DỤNG MỨC GIÁ NHẬP KHẨU TỐI THIỂU ĐỐI VỚI HẠT TIÊU

Ngày 6/12/2017, Bộ Công Thương Ấn Độ đã thông qua đề xuất của Hội đồng Gia vị, ấn định giá CIF nhập khẩu tối thiểu đối với hạt tiêu là 500 rupi/Kg (khoảng 7,75 usd/kg), nhằm bảo vệ quyền lợi của người trồng tiêu trong nước trước tình trạng hạt tiêu nhập khẩu giá rẻ trên thị trường Ấn Độ đã tăng lên nhanh chóng trong thời gian gần đây, khiến cho giá hạt tiêu trong nước giảm mạnh.

Trong thông báo, Bộ Công Thương Ấn Độ cho biết, giá hạt tiêu tại Ấn Độ đã giảm khoảng 35% trong 1 năm qua đang khiến cho người trồng tiêu Ấn Độ gặp rất nhiều khó khăn.

Ấn Độ đã và đang lo ngại trước việc hạt tiêu được sản xuất từ các nước ASEAN được nhập khẩu vào Ấn Độ thông qua đường Sri Lankha để được hưởng các ưu đãi về thuế theo Hiệp định Thương mại tự do Nam Á (SAFTA) và Hiệp định thương mại tự do Ấn Độ - Sri Lanka (ISLFTA).

Các tổ chức, hiệp hội nông dân đã kiến nghị nhiều biện pháp để hạn chế nhập khẩu tiêu giá rẻ vào Ấn Độ, trong đó có việc áp giá nhập khẩu tối thiểu (Minimum Import Price - MIP). Việc áp giá nhập khẩu tối thiểu MIP sẽ giúp cải thiện giá tiêu trong nước, đặc biệt trong bối cảnh mùa thu hoạch tiêu đang đến gần.

Theo Vinanet